

Hà Nội, ngày 16 tháng 01 năm 2015

BÁO CÁO**TÌNH HÌNH THỰC HIỆN NHIỆM VỤ NĂM 2014 VÀ
PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ NĂM 2015 CỦA NGÀNH XÂY DỰNG**

*(Tài liệu phục vụ Hội nghị trực tuyến triển khai nhiệm vụ kế hoạch
năm 2015 của Ngành Xây dựng)*

A. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN NHIỆM VỤ NĂM 2014

Ngành Xây dựng thực hiện nhiệm vụ năm 2014 trong bối cảnh tình hình thế giới diễn biến rất phức tạp; kinh tế thế giới phục hồi chậm hơn dự báo; trong nước kinh tế vĩ mô cơ bản ổn định, lạm phát được kiểm soát, tăng trưởng kinh tế có bước phục hồi nhưng môi trường kinh doanh và năng suất, hiệu quả của nền kinh tế còn thấp; chất lượng, hiệu quả, năng lực sản xuất, năng lực cạnh tranh của Ngành và một số sản phẩm chủ yếu còn hạn chế; thị trường bất động sản đã có chuyển biến tích cực nhưng tồn kho bất động sản còn ở mức cao; một số sản phẩm vật liệu tiêu thụ chậm có số dư tồn kho lớn; các doanh nghiệp ngành Xây dựng vẫn gặp nhiều khó khăn trong việc tiếp cận các nguồn vốn vay phục vụ cho sản xuất kinh doanh, đầu tư phát triển,...

Thực hiện Nghị quyết số 01/NQ-CP của Chính phủ về những giải pháp chủ yếu chỉ đạo, điều hành thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế xã hội và dự toán ngân sách Nhà nước năm 2014; Bộ Xây dựng đã khẩn trương ban hành Chương trình hành động, nghiêm túc triển khai đồng bộ các nhóm giải pháp được nêu trong Nghị quyết liên quan đến các lĩnh vực của Ngành. Trong đó, đã tập trung cao độ hoàn thiện hệ thống thể chế, đẩy mạnh cải cách hành chính; đổi mới, nâng cao chất lượng công tác quy hoạch xây dựng; tăng cường quản lý đầu tư xây dựng, kiểm soát phát triển đô thị theo quy hoạch và kế hoạch; tiếp tục thực hiện các giải pháp tháo gỡ khó khăn cho thị trường bất động sản gắn với thực hiện Chiến lược phát triển nhà ở quốc gia, đặc biệt là nhà ở xã hội; tích cực thực hiện tái cơ cấu ngành Xây dựng gắn với đẩy mạnh cổ phần hóa, tái cơ cấu doanh nghiệp nhà nước;...

Các Chương trình, kế hoạch công tác quan trọng đã được Bộ ban hành và tổ chức thực hiện như: *Chương trình xây dựng văn bản QPPL và các Đề án năm 2014; Chương trình Kiểm soát thủ tục hành chính; Chương trình hành động của Bộ Xây dựng thực hiện Nghị quyết số 19/NQ-CP ngày 18/3/2014 của Chính phủ về những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia,...* Được sự quan tâm, chỉ đạo của Trung ương Đảng, Quốc hội, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, sự phối hợp chặt chẽ của các Bộ ngành Trung ương, sự ủng hộ và vào cuộc tích cực của các địa phương cùng

với sự nỗ lực, phấn đấu của toàn thể cán bộ, công nhân viên chức, người lao động và cộng đồng doanh nghiệp trong toàn Ngành, ngành Xây dựng đã đạt được những kết quả quan trọng, đã cơ bản hoàn thành các mục tiêu, nhiệm vụ chủ yếu đề ra trong kế hoạch năm 2014; trong đó, kết quả, sự kiện nổi bật là đã tập trung hoàn thành, trình và được Quốc hội thông qua 03 dự án Luật: *Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 (thay thế cho Luật Xây dựng số 13/2003/QH11 và có hiệu lực từ 01/01/2015); Luật Nhà ở số 65/2014/QH13 (thay thế cho Luật Nhà ở số 56/2005/QH11 và có hiệu lực từ 01/7/2015); Luật Kinh doanh bất động sản số 66/2014/QH13 (thay thế cho Luật Kinh doanh bất động sản số 63/2006/QH11 và có hiệu lực từ 01/7/2015)*; hoàn thành việc nghiên cứu, xây dựng đề án Tái cơ cấu ngành Xây dựng¹; xây dựng trình Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ 19 dự thảo Nghị định, Nghị quyết, Đề án, Quyết định, trong năm 2014 đã được ban hành 01 Nghị định, 01 Nghị quyết, 08 Quyết định²; ban hành theo thẩm quyền 21 Thông tư hướng dẫn (trong đó có 03 Thông tư liên tịch) trong các lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ.

Việc Quốc hội thông qua 03 Luật nêu trên đã đánh dấu mốc quan trọng trong quá trình xây dựng, hoàn thiện hệ thống thể chế, pháp luật ngành Xây dựng với nhiều nội dung đổi mới, thay đổi căn bản, có tính đột phá, nhất là các vấn đề liên quan đến tăng cường quản lý chất lượng công trình, chống tham nhũng, thất thoát, lãng phí trong đầu tư xây dựng, phát triển nhà ở xã hội cho người nghèo, tăng cường kiểm soát phát triển thị trường bất động sản,... qua đó đã góp phần quan trọng nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước của Ngành.

Một số chỉ tiêu chủ yếu đạt được trong năm 2014:

- Giá trị sản xuất xây dựng³ theo giá hiện hành, ước tính đạt 849 nghìn tỷ đồng (tăng 10,2% so với năm 2013); theo giá so sánh đạt 676 nghìn tỷ đồng (tăng 7,6% so với năm 2013);

- Giá trị tăng thêm ngành Xây dựng (*theo giá so sánh năm 2010*): ước tính đạt 161,87 nghìn tỷ đồng (tăng 7,07% so với năm 2013) (*cao hơn nhiều so với mức 5,87% của năm 2013*), chiếm tỷ trọng 6% GDP cả nước (*năm 2013 chiếm 5,9% GDP*);

- Tỷ lệ đô thị hóa: khoảng 34,5% (tăng 1,03% so với năm 2013);

¹ Mục tiêu tổng quát của Đề án “*Đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội, thực hiện công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước; nâng cao năng suất lao động, chất lượng, hiệu quả và năng lực cạnh tranh của các sản phẩm xây dựng chủ yếu. Phấn đấu giá trị sản xuất của toàn Ngành tăng trưởng bình quân từ 9%-14%/năm; một số sản phẩm chủ yếu có bước phát triển đột phá, cơ bản chiếm lĩnh được thị trường trong nước, từng bước vươn ra thị trường khu vực và thế giới*”.

² Nghị định số 80/2014/NĐ-CP ngày 06/08/2014 về thoát nước và xử lý nước thải; Nghị quyết số 61/NQ-CP ngày 21/08/2014 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung Nghị quyết số 02/NQ-CP ngày 07/01/2013 của Chính phủ về một số giải pháp tháo gỡ khó khăn cho sản xuất kinh doanh, hỗ trợ thị trường, giải quyết nợ xấu; Quyết định số 1196/QĐ-TTg ngày 23/07/2014 phê duyệt Đề án huy động các nguồn lực đầu tư xây dựng hệ thống cấp, thoát nước và xử lý chất thải rắn sinh hoạt đô thị; Quyết định số 1469/QĐ-TTg ngày 22/08/2014 phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển Vật liệu xây dựng Việt Nam đến năm 2020 và định hướng đến năm 2030, Quyết định số 310/QĐ-TTg ngày 27/02/2014 về việc thành lập Hội đồng nghiệm thu Nhà nước các CTXD, Quyết định số 48/2014/QĐ-TTg ngày 28/8/2014 về chính sách hỗ trợ hộ nghèo xây dựng nhà ở phòng, tránh bão lũ khu vực Miền Trung,...

³ Nguồn số liệu Tổng cục Thống kê, gồm giá trị sản xuất xây dựng công trình mới, sửa chữa, mở rộng, cải tạo; giá trị công lắp đặt máy móc thiết bị và các hoạt động có liên quan,...

- Diện tích bình quân nhà ở toàn quốc khoảng 20,6 m² sàn/người (trong đó diện tích bình quân nhà ở tại đô thị khoảng 23 m² sàn/người, tại nông thôn khoảng 19,5 m² sàn/người); tăng 1m² sàn/người so với năm 2013;

- Tỷ lệ phủ kín quy hoạch chung xây dựng đô thị: đạt 100%;

- Tỷ lệ dân đô thị được cung cấp nước sạch qua hệ thống cấp nước tập trung đạt khoảng 80% (tăng 1% so với năm 2013%);

- Tỷ lệ thu gom và xử lý rác thải tại đô thị đạt khoảng 84%;

- Tỷ lệ thất thoát thất thu khoảng 25,5% (giảm 1,5% so với năm 2013);

- Tổng sản lượng xi măng, clinker tiêu thụ: khoảng 70,6 triệu tấn; tăng 15% so với năm 2013; trong đó tiêu thụ xi măng nội địa khoảng 50,9 triệu tấn (tăng 10% so với năm 2013), xuất khẩu khoảng 19,7 triệu tấn (tăng 30% so với năm 2013).

Dưới đây là một số kết quả chủ yếu đạt được trong các lĩnh vực Ngành:

I. QUẢN LÝ ĐẦU TƯ XÂY DỰNG

Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 đã thể chế hóa những quan điểm đổi mới căn bản đó là: phân định rõ các dự án đầu tư xây dựng sử dụng các nguồn vốn khác phải có phương thức và phạm vi quản lý khác nhau; đổi mới mô hình tổ chức bộ máy quản lý đầu tư xây dựng theo hướng chuyên nghiệp hóa; chuyển đổi từ cơ chế “*hậu kiểm*” sang “*tiền kiểm*”, tăng cường vai trò, trách nhiệm của cơ quan quản lý nhà nước chuyên ngành đối với các hoạt động đầu tư xây dựng nhằm hạn chế thất thoát, lãng phí trong đầu tư xây dựng, nâng cao chất lượng công trình và hiệu quả sử dụng vốn đầu tư, đặc biệt là đối với các dự án sử dụng vốn nhà nước; coi trọng điều kiện năng lực và làm rõ trách nhiệm của các chủ thể tham gia hoạt động xây dựng; quy định cụ thể quy trình thực hiện các thủ tục hành chính về thẩm định dự án, thẩm định thiết kế, cấp giấy phép xây dựng theo cơ chế một cửa liên thông nhằm rút ngắn thời gian thực hiện, tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động đầu tư xây dựng.

Để hướng dẫn thực hiện Luật Xây dựng, Bộ Xây dựng đã khẩn trương hoàn thành, trình Chính phủ dự thảo 06 Nghị định: (1) *Nghị định quản lý dự án đầu tư xây dựng*, (2) *Nghị định quản lý chất lượng công trình xây dựng*, (3) *Nghị định về quản lý chi phí đầu tư xây dựng*, (4) *Nghị định về hợp đồng xây dựng*, (5) *Nghị định về quản lý quy hoạch xây dựng*, (6) *Nghị định về xử lý vi phạm trong hoạt động xây dựng*.

Chất lượng và quản lý chất lượng công trình xây dựng

Công tác kiểm tra, kiểm soát chất lượng công trình xây dựng tiếp tục được tăng cường trên phạm vi cả nước, nhất là các dự án sử dụng vốn nhà nước. Việc thực hiện “*tiền kiểm*” thiết kế kỹ thuật và dự toán các công trình đã tạo ra bước đột phá trong phòng chống lãng phí, tham nhũng, phòng ngừa được nhiều sai phạm, rủi ro trước khi triển khai thi công xây dựng công trình. Sau gần 02 năm

thực hiện công tác thẩm tra thiết kế và dự toán đã đi vào nề nếp, chất lượng thiết kế đã được nâng lên, đã cắt giảm và tiết kiệm đáng kể chi phí cho ngân sách⁴.

Nhìn chung, chất lượng công trình xây dựng trong năm 2014 cơ bản là đảm bảo, từng bước được nâng cao và được kiểm soát tốt hơn. Qua việc kiểm tra công tác nghiệm thu trước khi đưa công trình vào khai thác, sử dụng theo Nghị định 15/2013/NĐ-CP đối với 6.545 công trình, thì có 97% số công trình đạt yêu cầu, đủ điều kiện đưa vào sử dụng, còn 3% số công trình được các cơ quan chuyên môn về xây dựng yêu cầu sửa chữa, bổ sung, khắc phục các khiếm khuyết trước khi đưa vào sử dụng.

Thực hiện Nghị quyết số 62/2013/QH13 ngày 27/11/2013 của Quốc hội và Nghị quyết số 11/NQ-CP ngày 18/02/2014 của Chính phủ; Bộ Xây dựng đã ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch rà soát, kiểm tra, đánh giá an toàn hồ, đập thủy điện, thủy lợi trên phạm vi toàn quốc⁵; đã phối hợp với các Bộ, ngành liên quan và các chuyên gia xây dựng tiêu chí đánh giá an toàn hồ, đập; thực hiện kiểm tra an toàn hồ, đập tại các tỉnh khu vực Tây Bắc, Trung Trung Bộ và Tây Nguyên. Kết quả kiểm tra cho thấy, các đập, hồ chứa của các công trình thủy điện công suất trên 30 MW, các đập, hồ chứa thủy lợi đang được xây dựng chất lượng cơ bản đáp ứng yêu cầu kỹ thuật; các đập, hồ chứa đã tích nước cơ bản đang vận hành an toàn, ổn định. Tuy nhiên, một số công trình thủy điện nhỏ, nhất là các công trình do doanh nghiệp tư nhân làm chủ đầu tư vẫn còn nhiều hạn chế trong quá trình triển khai dự án, tiềm ẩn về chất lượng đập. Ngoài ra, trong năm 2014, Bộ Xây dựng cũng đã phối hợp cùng các Bộ, ngành, địa phương tiến hành kiểm tra, kiểm định chất lượng các công trình cầu treo, các công trình dạng tháp trên phạm vi toàn quốc. Số lượng công trình được kiểm tra tăng gấp đôi so với năm 2013. Các vụ việc, sự cố xảy ra đã được Bộ kịp thời chỉ đạo kiểm tra, tổ chức giám định xác định nguyên nhân và hướng dẫn xử lý⁶.

Hoạt động của Hội đồng nghiệm thu nhà nước các công trình xây dựng đã có nhiều đổi mới, nhằm nâng cao hiệu lực và hiệu quả hoạt động⁷. Chất lượng các công trình quan trọng quốc gia, công trình trọng điểm được kiểm soát chặt chẽ, đảm bảo yêu cầu thiết kế, đáp ứng các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật áp dụng cho công trình. Các công trình được nghiệm thu hoàn thành đưa vào sử dụng đang vận hành an toàn và phát huy hiệu quả tốt.

⁴ Theo báo cáo của 61 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, trong năm 2014 đã thực hiện thẩm tra 15.341 công trình, tỷ lệ hồ sơ thiết kế phải sửa đổi, bổ sung chiếm khoảng 43,8% số hồ sơ được thẩm tra; tổng giá trị dự toán trước thẩm tra khoảng 108.240 tỷ đồng, giá trị cắt giảm sau khi thẩm tra là 5.833 tỷ đồng (tương đương 5,39%).

⁵ Trong đó, tập trung vào 03 nội dung chính: kiểm tra, đánh giá tổng thể an toàn các đập, hồ chứa trong cả nước; rà soát, sửa đổi, bổ sung các văn bản quy phạm pháp luật hiện hành có liên quan đến quản lý chất lượng, đầu tư xây dựng công trình đập, hồ chứa thủy điện, thủy lợi; tham gia hoàn thiện, xây dựng hệ thống tiêu chuẩn, quy chuẩn công trình thủy điện, thủy lợi. Đã hoàn thành báo cáo Thủ tướng Chính phủ về đánh giá tổng thể an toàn hồ, đập và kiến nghị các nội dung nhằm tăng cường an toàn cho các đập hồ chứa thủy lợi, thủy điện trên cả nước trong thời gian tới.

⁶ Điển hình tại các sự cố: vỡ đường ống nước Sông Đà, nứt trụ Cầu Vĩnh Tuy, vỡ đê đập Thủy điện Iakrel 2, sập trần treo nhà thi đấu Phan Đình Phùng. Đối với sự cố sập hầm Thủy điện Đa Dâng, Bộ đã đề xuất với Thủ tướng Chính phủ cho tạm dừng việc thi công để tập trung khắc phục hậu quả sự cố; Hiện Bộ đang tích cực phối hợp với tỉnh Lâm Đồng và các Bộ, ngành liên quan để làm rõ nguyên nhân và trách nhiệm của các chủ thể liên quan...

⁷ Hiện nay, Hội đồng giúp Thủ tướng Chính phủ thực hiện theo dõi, kiểm tra và nghiệm thu chất lượng 52 công trình trọng điểm; đã tổ chức 103 đợt kiểm tra hiện trường; xem xét, đánh giá thiết kế, xử lý các vấn đề kỹ thuật; chỉ đạo, hướng dẫn chủ đầu tư và các nhà thầu về việc tăng cường công tác kiểm soát chất lượng và khắc phục những tồn tại về chất lượng.

Công tác cấp giấy phép xây dựng

Công tác cấp giấy phép xây dựng và quản lý trật tự xây dựng theo quy định trong Nghị định 84/2012/NĐ-CP tiếp tục có bước chuyển biến tích cực. Số công trình được cấp giấy phép xây dựng đạt khoảng 92% (tăng 1% so với năm 2013); số công trình xây dựng sai với giấy phép khoảng 2,2% (giảm 0,2% so với năm 2013). Công tác cấp giấy phép xây dựng nhà ở nông thôn đã được đẩy mạnh. Các địa phương đã có nhiều cố gắng trong việc đơn giản hóa các thủ tục hành chính, tập trung đẩy nhanh tiến độ lập, phê duyệt quy hoạch chi tiết, quy hoạch phân khu, quy hoạch xây dựng nông thôn mới, ban hành Quy chế quản lý quy hoạch, kiến trúc và tiến hành thiết kế đô thị đối với khu vực quan trọng làm cơ sở cho việc cấp giấy phép xây dựng và quản lý trật tự xây dựng.

Thực hiện Nghị quyết số 43/NQ-CP ngày 06/06/2014 của Chính phủ về một số nhiệm vụ trọng tâm cải cách thủ tục hành chính trong hình thành và thực hiện dự án đầu tư có sử dụng đất để cải thiện môi trường kinh doanh, Bộ đã phối hợp với các Bộ, ngành, địa phương rà soát và đề xuất các phương án đơn giản hóa thủ tục hành chính trong quản lý đầu tư xây dựng và cấp giấy phép xây dựng; trên cơ sở đó, xây dựng văn bản về quy trình liên thông giải quyết các thủ tục hành chính trong hình thành và thực hiện dự án sử dụng đất để ban hành theo thẩm quyền hoặc trình Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ ban hành.

Công tác quản lý năng lực hoạt động xây dựng: Năm 2014, các Sở Xây dựng đã cấp 12.348 chứng chỉ hành nghề các loại, trong đó có 430 chứng chỉ kiến trúc sư, 3.655 chứng chỉ kỹ sư, 8.263 chứng chỉ hành nghề tư vấn giám sát. Đến nay, số chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng đã được cấp trên 83.000 chứng chỉ. Việc cấp chứng chỉ hành nghề đã dần đi vào nề nếp, góp phần nâng cao chất lượng sản phẩm xây dựng.

Nhằm công khai, minh bạch các thông tin của tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động xây dựng, kiểm soát các hoạt động của nhà thầu, nâng cao chất lượng công tác đấu thầu; Bộ Xây dựng đã ban hành Thông tư về Đăng ký thông tin năng lực hoạt động xây dựng. Đến nay đã có 657 tổ chức đăng tải thông tin trên website của Bộ Xây dựng. Để tránh tình trạng việc cấp chứng chỉ hành nghề mang tính hình thức, đảm bảo sự công bằng, minh bạch trong quá trình đấu thầu; Luật Xây dựng 2014 cũng đã quy định rõ cá nhân được cấp chứng chỉ hành nghề phải thông qua sát hạch, tổ chức hoạt động xây dựng được phân thành hạng và phải được cơ quan quản lý nhà nước đánh giá xác nhận năng lực và đăng tải thông tin công khai minh bạch năng lực.

Công tác quản lý an toàn lao động trong hoạt động xây dựng: Tiếp tục triển khai thực hiện Chương trình quốc gia về an toàn lao động, tuyên truyền; phổ biến pháp luật về an toàn lao động; kiểm tra công tác an toàn lao động tại một số địa phương, công trình trọng điểm (công trình nhà Quốc hội; Thủy điện Lai Châu, Sở Xây dựng Tp.Hồ Chí Minh, TCT Vật liệu xây dựng số 1,...)

Về kinh tế xây dựng, kinh tế đô thị: Để đảm bảo cho thị trường xây dựng phát triển cạnh tranh lành mạnh, minh bạch, công bằng và hiệu quả, Bộ Xây

dựng đã khẩn trương hoàn thành Nghị định quản lý chi phí đầu tư xây dựng và Nghị định hợp đồng xây dựng (hướng dẫn Luật Xây dựng 50/2014/QH13), các Thông tư hướng dẫn theo hướng xác định rõ quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của các chủ thể trong quản lý chi phí và hợp đồng xây dựng, có chế tài cụ thể đối với các chủ thể vi phạm cam kết hợp đồng; hoàn thiện hệ thống chỉ tiêu, định mức kinh tế - kỹ thuật cho phù hợp với các công nghệ mới và điều kiện thi công.

Trong năm 2014, Bộ Xây dựng đã rà soát, sửa đổi, bổ sung và công bố hơn 1.400 mức của hệ thống định mức dự toán trong xây dựng và quản lý dịch vụ công ích đô thị (định mức duy trì thoát nước đô thị, duy trì chiếu sáng đô thị, duy trì cây xanh đô thị, thu gom vận chuyển và xử lý chất thải rắn đô thị); đang tiến hành hoàn thiện Thông tư hướng dẫn xác định đơn giá nhân công để lập và quản lý chi phí đầu tư xây dựng và dịch vụ công ích đô thị; thường xuyên hướng dẫn các Bộ, ngành, địa phương, chủ đầu tư và nhà thầu xử lý các tình huống vướng mắc trong quản lý chi phí, quản lý hợp đồng xây dựng, điều chỉnh tổng mức đầu tư dự án,...

Đến nay, trên cả nước đã có 55 địa phương công bố chỉ số giá xây dựng phục vụ việc lập và điều chỉnh tổng mức đầu tư, dự toán xây dựng, giá gói thầu và giá hợp đồng xây dựng; năm 2014 cả nước cấp 379 chứng chỉ kỹ sư định giá xây dựng, đưa tổng số chứng chỉ kỹ sư định giá xây dựng cả nước đã cấp đến nay lên hơn 6.000 chứng chỉ; đào tạo bồi dưỡng nghiệp vụ cho hơn 3.300 người, đưa tổng số người được đào tạo lên hơn 17.000 người. Đây là một trong những nhân tố quan trọng cho việc nâng cao chất lượng công tác quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình, góp phần nâng cao hiệu quả đầu tư dự án.

II. QUẢN LÝ PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ VÀ NÔNG THÔN

1. Công tác quản lý quy hoạch, kiến trúc

Đã hoàn thành trình Chính phủ Nghị định về quản lý quy hoạch xây dựng (để hướng dẫn Luật Xây dựng số 50/2014/QH13); tiếp tục xây dựng Điều chỉnh Định hướng kiến trúc Việt Nam đến năm 2030; sửa đổi Thông tư số 23/2009/TT-BXD về hướng dẫn thi tuyển và tuyển chọn phương án thiết kế kiến trúc công trình xây dựng; rà soát, sửa đổi Quy chuẩn 2008 về Quy hoạch xây dựng.

Tiếp tục rà soát các quy hoạch vùng, quy hoạch chung các đô thị trên phạm vi cả nước, đẩy nhanh tiến độ lập, thẩm định, trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt các đồ án quy hoạch xây dựng quan trọng theo phân cấp; Bộ Xây dựng đã thẩm định, trình Thủ tướng Chính phủ 13 đồ án quy hoạch; Thủ tướng Chính phủ đã phê duyệt 11 đồ án⁸ và 06 nhiệm vụ quy hoạch⁹. Đã tổ chức công

⁸ Gồm 7 đồ án trình năm 2013 và 04 đồ án trình năm 2014: (1) Điều chỉnh QHCT xây dựng tỷ lệ 1/2.000 Đại học Quốc gia thành phố Hồ Chí Minh; (2) Điều chỉnh QHC thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng; (3) Điều chỉnh QHC thành phố Đà Nẵng; (4) Điều chỉnh QHC thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk; (5) QHC xây dựng khu kinh tế Năm Căn-Cà Mau đến năm 2030; (6) Điều chỉnh QHC khu kinh tế Vân Phong, tỉnh Khánh Hòa; (7) QH Vùng Nam Hà Tĩnh- Bắc Quảng Bình; (8) QH vùng Tây Nguyên; (9) QHC khu kinh tế cửa khẩu Hoàng Mã-Đồng Văn-Quảng Ninh; (10) QHC đô thị Ninh Bình đến năm 2030; (11) QHC khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao Hậu Giang. 02 đồ án chưa được phê duyệt: (1) QHC Khu Kinh tế Cửa khẩu Long An; (2) Điều chỉnh QHC Thành phố Vinh – Nghệ An.

⁹(1) Nhiệm vụ Điều chỉnh QH vùng Tp.Hồ Chí Minh; (2) Nhiệm vụ Điều chỉnh QH vùng đồng bằng sông Cửu Long; (3) Nhiệm vụ QH khu công viên địa chất toàn cầu cao nguyên đá Đồng Văn – Hà Giang; (4) Nhiệm vụ Điều chỉnh QHC thành

bổ 03 quy hoạch vùng (vùng Nam Hà Tĩnh – Bắc Quảng Bình, vùng Tây Nguyên, vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ); tập trung nghiên cứu, lập điều chỉnh Quy hoạch xây dựng một số vùng trọng điểm: vùng Thủ đô Hà Nội, vùng Tp.Hồ Chí Minh, vùng đồng bằng sông Cửu Long,...

Các địa phương tiếp tục tập trung rà soát, điều chỉnh, bổ sung các quy hoạch đô thị và đẩy nhanh tốc độ phủ kín quy hoạch xây dựng trên địa bàn, đặc biệt là tại các đô thị trung tâm, đô thị tạo động lực tăng trưởng, các khu vực phát huy tiềm năng, lợi thế về phát triển kinh tế - xã hội (các khu du lịch, khu kinh tế cửa khẩu,...). Trong năm 2014, Bộ Xây dựng đã tham gia góp ý cho hơn 20 đề án quy hoạch chung, quy hoạch phân khu do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt¹⁰.

Tính đến nay, đã có 15 quy hoạch xây dựng vùng liên tỉnh đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt (năm 2013 là 13 vùng); 60/63 tỉnh đã phê duyệt quy hoạch xây dựng vùng tỉnh; 100% đô thị có quy hoạch chung được duyệt; 15/15 khu kinh tế ven biển (năm 2013 là 14/15 khu), 13/29 khu kinh tế cửa khẩu đã phê duyệt quy hoạch chung (năm 2013 là 10/28 khu). Tỷ lệ lập quy hoạch phân khu tại các đô thị đạt khoảng trên 70%. Tỷ lệ quy hoạch chi tiết đạt khoảng trên 30% so với diện tích đất xây dựng đô thị.

Công tác lập quy hoạch xây dựng nông thôn mới đã đạt được những kết quả tích cực, tỷ lệ xã có quy hoạch trên cả nước hiện đạt khoảng 94,9%¹¹ (trước khi Chương trình rà soát Quy hoạch xây dựng nông thôn mới được phê duyệt năm 2010, toàn quốc mới chỉ đạt tỷ lệ 23,4%). Nội dung các đề án cơ bản đáp ứng được các yêu cầu, làm cơ sở cho việc lập Đề án xây dựng nông thôn mới và các dự án đầu tư cho nông thôn mới,...

Nhìn chung, công tác quy hoạch ngày càng được các địa phương quan tâm, các đề án quy hoạch thể hiện được tư duy đổi mới, có tầm nhìn dài hạn, chất lượng từng bước được cải thiện.

Trong công tác quản lý kiến trúc; Bộ Xây dựng đã đôn đốc, hướng dẫn, kiểm tra công tác lập thiết kế đô thị ở các địa phương trên cả nước; đang chỉ đạo nghiên cứu, lập các đề án thiết kế đô thị mẫu tại 09 địa phương. Các địa phương cũng đang tích cực triển khai xây dựng và tổ chức thực hiện Quy chế quản lý quy hoạch, kiến trúc đô thị trên địa bàn. Đến nay, đã có 02 đô thị đặc biệt (Tp.Hà Nội, Tp.Hồ Chí Minh) và 01 đô thị loại I (Tp.Vũng Tàu) đã ban hành Quy chế; 13 đô thị loại I khác đang xây dựng quy chế; khoảng 30% đô thị (từ loại II đến loại V) đang triển khai lập Quy chế (73 đô thị đã ban hành, 173 đô thị đang triển khai lập)¹².

phố Thái Nguyên; (5) Nhiệm vụ QH khu hợp tác kinh tế biên giới Móng Cái – Quảng Ninh; (6) Nhiệm vụ QH hệ thống công sở của các Bộ, ngành.

¹⁰ QHC đô thị Diên Khánh – tỉnh Khánh Hòa; Điều chỉnh QHC Thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang đến năm 2030; QHC thị xã Hồng Ngự tỉnh Đồng Tháp đến năm 2030; QHCT Khu đô thị mới huyện Văn Giang tỉnh Hưng Yên; Điều chỉnh Quy hoạch chung thành phố Mỹ Tho tỉnh Tiền Giang đến năm 2030;...

¹¹ Đồng bằng sông Hồng đạt 100%; Bắc Trung Bộ đạt 92%; Nam Trung Bộ đạt 98%; Tây Nguyên đạt 98%; Đông Nam bộ đạt 61%; Đồng bằng Sông Cửu Long đạt 99%.

¹² Theo báo cáo của 47 địa phương.

2. Công tác quản lý phát triển đô thị

Nhằm hoàn thiện, xây dựng một khung pháp lý thống nhất và đầy đủ hơn cho công tác đầu tư phát triển đô thị; Bộ Xây dựng tiếp tục nghiên cứu Luật quản lý phát triển đô thị; hoàn thiện dự thảo Nghị định thay thế Nghị định số 42/2009/NĐ-CP ngày 07/5/2009 về phân loại đô thị theo hướng không quá chú trọng vào quy mô mà tập trung vào nâng cao chất lượng đô thị (phát huy các giá trị đặc trưng của vùng, miền và yếu tố đặc thù của đô thị); ban hành Thông tư số 12/2014/TT-BXD ngày 25/8/2014 hướng dẫn các địa phương trong việc lập, thẩm định, phê duyệt Chương trình phát triển đô thị trên địa bàn; nghiên cứu, xây dựng Đề án Định hướng phát triển hệ thống dịch vụ xã hội đô thị đến năm 2020 và các cơ chế, chính sách nhằm khuyến khích, thu hút các thành phần kinh tế, các nguồn lực trong và ngoài nước cho đầu tư phát triển đô thị.

Tiếp tục triển khai thực hiện Nghị định số 11/2013/NĐ-CP, trong đó vẫn đề cốt lõi là kiểm soát phát triển đô thị theo quy hoạch và kế hoạch, các hoạt động đầu tư phát triển đô thị (từ cải tạo, chỉnh trang, bảo tồn, tôn tạo, tái thiết, cho đến phát triển đô thị mới) tại các địa phương đã có những chuyển biến tích cực. Các địa phương đã và đang tập trung triển khai lập Chương trình phát triển đô thị cho từng đô thị và cho toàn tỉnh; 7 địa phương tiến hành lập các khu vực phát triển đô thị (có 2 địa phương Lâm Đồng và Đồng Tháp đã phê duyệt), 7 địa phương đang triển khai thành lập Ban quản lý khu vực phát triển đô thị. Hầu hết các đô thị lớn cũng đã tiến hành xong việc đánh giá, phân loại dự án đầu tư nhằm từng bước lập lại trật tự trong đầu tư phát triển đô thị¹³.

Chương trình Nâng cấp đô thị quốc gia giai đoạn từ năm 2009 đến năm 2020; Chương trình Phát triển đô thị quốc gia giai đoạn 2012 – 2020 tiếp tục được triển khai, trong đó có 02 dự án (thuộc Chương trình nâng cấp đô thị quốc gia) Bộ Xây dựng là cơ quan điều phối đang thực hiện đạt hiệu quả cao tại 6 tỉnh Đồng bằng Sông Cửu Long và 7 tỉnh miền núi phía Bắc¹⁴.

Thực hiện các nhiệm vụ được Thủ tướng Chính phủ giao trong Quyết định số 2623/QĐ-TTg ngày 31/12/2013 phê duyệt Đề án Phát triển các đô thị Việt Nam ứng phó với biến đổi khí hậu; Bộ Xây dựng đã ban hành Kế hoạch hành động ứng phó với biến đổi khí hậu của ngành Xây dựng giai đoạn 2014-2020 với mục tiêu “*Tăng cường khả năng ứng phó của ngành Xây dựng đối với thiên tai, biến đổi khí hậu; sử dụng năng lượng hiệu quả, giảm nhẹ biến đổi khí hậu; phát triển ngành xây dựng theo hướng tăng trưởng xanh và bền vững*”.

¹³ Có 21 dự án đầu tư xây dựng đô thị có hồ sơ đề xuất xin chấp thuận đầu tư. 140 dự án đề nghị được chuyển quyền sử dụng đất cho người dân tự xây dựng nhà ở, dự án nhỏ nhất có diện tích khoảng 0,4ha, dự án lớn nhất có diện tích gần 500ha.

¹⁴ Dự án Nâng cấp đô thị vùng đồng bằng sông Cửu Long (NUUP MDR) được thực hiện tại 6 thành phố (Cần Thơ, Cà Mau, Cao Lãnh, Mỹ Tho, Rạch Giá và Trà Vinh), nhằm góp phần xóa đói giảm nghèo, nâng cao chất lượng cuộc sống cho người dân thông qua đầu tư nâng cấp cơ sở hạ tầng, dự án đang tiến hành thi công tất cả các gói thầu giai đoạn 1, chuẩn bị đấu thầu xây lắp giai đoạn 2. Chương trình đô thị miền núi phía Bắc triển khai tại 7 tỉnh (Bắc Kan, Cao Bằng, Điện Biên, Hòa Bình, Thái Nguyên, Tuyên Quang, Yên Bái), kết quả dự kiến của Chương trình sẽ là cơ sở tạo điều kiện cho nhiều đô thị tham gia; hiện Chương trình đang được gấp rút chuẩn bị khởi công hạng mục đầu tiên vào 01/01/2015.

Triển khai công tác thẩm định, nâng loại đô thị, trong năm 2014, Bộ Xây dựng đã thực hiện tổ chức thẩm định, nâng loại cho 20 đô thị theo kế hoạch¹⁵. Hệ thống đô thị Việt Nam hiện có 774 đô thị (tăng 04 đô thị so với năm 2013); trong đó: có 02 đô thị đặc biệt, 15 đô thị loại I, 21 đô thị loại II, 42 đô thị loại III, 67 đô thị loại IV và 627 đô thị loại V.

Tỷ lệ đô thị hóa trung bình cả nước dự kiến đạt khoảng 34,5 % (tăng 1,03% so với năm 2013). Đô thị hóa tăng nhanh ở khu vực các đô thị lớn, lan tỏa và phân bố đồng đều hơn trên phạm vi cả nước. Nhiều đô thị cũ được cải tạo, nâng cấp, phát triển mở rộng về quy mô đất đai, kết cấu hạ tầng kỹ thuật và xã hội. Đô thị đã khẳng định vai trò là động lực phát triển kinh tế, thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế ở mỗi địa phương, mỗi vùng và cả nước. Tính riêng 5 đô thị trực thuộc trung ương năm 2014 đã đóng góp khoảng 52,6% GDP cả nước, toàn bộ 774 đô thị đã đóng góp khoảng 72% GDP của cả nước.

3. Công tác quản lý hạ tầng kỹ thuật

Với quan điểm đẩy mạnh xã hội hóa trong việc đầu tư xây dựng các cơ sở hạ tầng kỹ thuật, nâng cao trách nhiệm cộng đồng trong việc bảo vệ môi trường; Bộ Xây dựng đã hoàn thành, trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án huy động các nguồn lực đầu tư xây dựng hệ thống cấp, thoát nước và xử lý chất thải rắn sinh hoạt đô thị; đã trình Chính phủ ban hành Nghị định số 80/2014/NĐ-CP về thoát nước và xử lý nước thải; hoàn thiện Nghị định thay thế Nghị định 59/2007/NĐ-CP về quản lý chất thải rắn (những nội dung cơ bản của dự thảo Nghị định này đã được lồng ghép trong dự thảo Nghị định Quản lý chất thải và phế liệu trình Chính phủ vào tháng 12/2014); tiếp tục rà soát, nghiên cứu điều chỉnh các quy chuẩn kỹ thuật về quy hoạch xây dựng và xây dựng hạ tầng kỹ thuật (QCVN 01:2008/BXD và QCVN 07:2010/BXD).

Đã trình và được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt các đề án quy hoạch: *Quy hoạch hệ thống thoát nước và xử lý nước thải khu vực dân cư, khu công nghiệp lưu vực sông Nhuệ – Đáy và lưu vực sông Đồng Nai, Quy hoạch quản lý chất thải rắn lưu vực sông Cầu, Quy hoạch CTR lưu vực sông Đồng Nai, Quy hoạch nghĩa trang thủ đô Hà Nội và Quy hoạch xử lý chất thải rắn Thủ đô Hà Nội*. Hoàn thành công tác thẩm định và trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch CTR lưu vực sông Nhuệ – Đáy; Tổ chức triển khai lập Quy hoạch cấp nước vùng đồng bằng sông Cửu Long, Quy hoạch chất thải rắn vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ (dự kiến sẽ hoàn thành, trình Thủ tướng Chính phủ trong năm 2015).

Triển khai Chương trình đầu tư xử lý chất thải rắn, Bộ Xây dựng đã đề xuất, trình Thủ tướng Chính phủ danh mục dự án thí điểm đầu tư xây dựng cơ sở xử lý chất thải rắn (05 dự án khu vực đô thị, 05 dự án khu vực nông thôn); đề xuất danh mục 64 dự án (đầu tư xây dựng khu liên hợp, cơ sở xử lý chất thải

¹⁵ Bao gồm: 01 đô thị loại I (TP. Thanh Hóa), 11 đô thị loại II (Phú Quốc, Bắc Ninh, Ninh Bình, Bạc Liêu, Rạch Giá, Thủ Dầu Một, Đồng Hới, Vĩnh Yên, Lào Cai, Bắc Giang, Bà Rịa), 01 đô thị loại III (Đồng Xoài) và 07 đô thị loại IV (Mỹ Tho, Đông Triều, Vĩnh Điện, Đắc Mil, Kỳ Anh, Kinh Môn, Thị Long, Mỹ Hào).

rắn) giai đoạn 2013-2015 gửi Ngân hàng Phát triển Việt Nam để bố trí vốn tín dụng đầu tư cho các dự án vay theo quy định. Đã chủ trì, phối hợp với các địa phương, đơn vị liên quan nghiên cứu, đề xuất cơ chế tài chính mô hình quản lý đầu tư, vận hành phù hợp cho 01 dự án xử lý chất thải rắn sinh hoạt đô thị và 01 dự án xử lý chất thải rắn sinh hoạt nông thôn thực hiện thí điểm trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt¹⁶.

Chương trình quốc gia chống thất thoát, thất thu nước sạch tiếp tục được triển khai có hiệu quả. Đến nay, tỷ lệ thất thoát, thất thu nước sạch đã giảm xuống khoảng 25,5% (giảm 1,5% so với năm 2013), vượt 0,5% so với chỉ tiêu đề ra trong kế hoạch năm 2014 (26%).

Công tác giám sát, kiểm tra chất lượng nước cấp tiếp tục được đẩy mạnh nhằm tăng cường bảo đảm cấp nước an toàn và giảm thiểu ô nhiễm nguồn cấp nước. Hiện có khoảng 30 địa phương thành lập Ban chỉ đạo cấp nước an toàn. Việc thành lập Ban Chỉ đạo ở tỉnh đã giúp cho công tác đảm bảo cấp nước an toàn triển khai có hiệu quả hơn.

Dự án phát triển đô thị vừa và nhỏ miền Trung; Chương trình quản lý thoát nước và chất thải rắn các tỉnh lỵ; dự án chống ngập úng cho các đô thị duyên hải; các dự án Cấp nước và Nước thải đô thị; Chương trình nước và Vệ sinh các thị trấn nhỏ ở Việt Nam – giai đoạn III; Dự án Đào tạo và tăng cường năng lực trong lĩnh vực quản lý chất thải rắn tại Việt Nam; dự án phát triển giao thông Hà Nội-hợp phần III(D) cũng đang được triển khai thực hiện đúng tiến độ.

Một số chỉ tiêu, kết quả chủ yếu đạt được trong lĩnh vực hạ tầng đô thị:

- *Về cấp nước:* Tổng công suất thiết kế tập trung hiện nay đạt khoảng 7 triệu m³/ngày đêm (tăng 250 nghìn m³/ngày đêm so với năm 2013)¹⁷. Tỷ lệ dân đô thị được cấp nước qua hệ thống cấp nước tập trung hiện đạt khoảng 80%;

- *Thoát nước và xử lý nước thải:* Đã có 30 trạm xử lý nước tập trung với tổng công suất khoảng trên 800 nghìn m³/ngày đêm. Trong năm có thêm 06 nhà máy xử lý nước thải hoàn thành, đi vào vận hành với công suất tăng thêm khoảng 95 nghìn m³/ngày đêm;

- *Thu gom xử lý chất thải rắn thông thường:* Tỷ lệ thu gom và xử lý chất thải rắn trung bình của các đô thị đạt khoảng 84%, nhiều thành phố có tỷ lệ thu gom, xử lý khá cao như Hà Nội, Đà Nẵng, Tp.Hồ Chí Minh,... (đạt khoảng 90-95%). Có khoảng 26 cơ sở xử lý rác thải¹⁸ đang hoạt động với các quy mô và sử dụng các công nghệ khác nhau. Tỷ lệ thu gom chất thải rắn sinh hoạt khu vực

¹⁶ Đề xuất lựa chọn thí điểm Dự án Nhà máy xử lý rác thải Tây Ninh (xã Tân Hưng - Tân Châu - Tây Ninh) và Dự án thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn sinh hoạt tại xã Tú Sơn (Kiến Thụy – Hải Phòng)

¹⁷ Trong đó nhà máy cấp nước có công suất 100 nghìn m³/ngày đêm tại Đồng Nai do Nhật Bản tài trợ; nhà máy nước Dĩ an: 50.000m³/ngày; Nhà máy nước Phú Mỹ: 50 nghìn m³/ ngày đêm; nhà máy nước khu đô thị công nghiệp Mỹ Phước – Bình Dương: 30 nghìn m³/ ngày đêm,... đi vào hoạt động.

¹⁸ Có 03 nhà máy sử dụng công nghệ đốt, 03 nhà máy sử dụng công nghệ đốt và sản xuất phân compost, các nhà máy còn lại sử dụng công nghệ sản xuất phân kết hợp với chôn lấp.

nông thôn khoảng 40-55%. Có 54/63 tỉnh, thành phố hoàn thành lập quy hoạch quản lý CTR, còn lại đang trong quá trình lập, thẩm định;

- Về quản lý hạ tầng đô thị khác: Hiện có khoảng 45/63 tỉnh, thành phố đã ban hành quy định về quản lý cây xanh đô thị trên địa bàn quản lý; có 11 tỉnh ban hành quy định có liên quan đến quản lý xây dựng ngầm; 10 tỉnh đã ban hành quy định về quản lý sử dụng chung công trình hạ tầng kỹ thuật (tăng 2 tỉnh so với 2013) và 17 tỉnh ban hành quy định về quản lý chiếu sáng đô thị (tăng 3 tỉnh so với năm 2013).

III. QUẢN LÝ PHÁT TRIỂN NHÀ Ở VÀ THỊ TRƯỜNG BẤT ĐỘNG SẢN

Trong năm 2014, Bộ Xây dựng đã tập trung cao độ cho việc nghiên cứu hoàn thiện 02 dự án Luật Nhà ở (sửa đổi) và Luật Kinh doanh bất động sản (sửa đổi) và các Nghị định hướng dẫn thực hiện. Ngày 25/11/2014, 02 dự án Luật này đã được Quốc hội khóa XIII thông qua tại kỳ họp thứ 8, bắt đầu có hiệu lực từ ngày 01/7/2015 với những quy định mới được sửa đổi, bổ sung được đánh giá là sẽ có tác động mạnh đến các hoạt động phát triển nhà ở và kinh doanh bất động sản trong thời gian tới. Những điểm mới, nổi bật đó là:

- Luật Nhà ở 2014 đã được điều chỉnh, bổ sung các quy định nhằm phát triển đa dạng và hài hòa các loại hình nhà ở phù hợp với nhu cầu và khả năng chi trả của từng nhóm đối tượng trong xã hội, đặc biệt là chính sách phát triển nhà ở xã hội; hình thành các định chế tài chính phát triển nhà ở; mở rộng đối tượng và nới lỏng các điều kiện cho phép, người Việt Nam định cư ở nước ngoài, tổ chức, cá nhân nước ngoài mua và sở hữu nhà ở tại Việt Nam; bổ sung thêm một số quy định để quản lý nhà ở công vụ được chặt chẽ,...

- Luật Kinh doanh bất động sản 2014 có một số nội dung mới vừa mở rộng phạm vi hoạt động kinh doanh bất động sản cho các nhà đầu tư, vừa tăng cường quản lý chặt chẽ hơn hoạt động đầu tư kinh doanh bất động sản, như: bãi bỏ quy định bắt buộc các doanh nghiệp kinh doanh bất động sản giao dịch qua sàn giao dịch bất động sản, quy định kinh doanh bất động sản phải thành lập doanh nghiệp, tăng vốn pháp định tối thiểu quy định khi thành lập doanh nghiệp (20 tỷ đồng); chủ đầu tư dự án phải được tổ chức tài chính, tổ chức tín dụng bảo lãnh khi bán, cho thuê nhà ở hình thành trong tương lai,...

Cùng với việc xây dựng 02 Luật trên, các Nghị định hướng dẫn cũng được Bộ Xây dựng tập trung nghiên cứu, trình Chính phủ để kịp thời ban hành trong quý II/2015¹⁹.

Trong năm 2014, Bộ Xây dựng cũng đã ban hành 09 Thông tư liên quan đến lĩnh vực nhà ở và thị trường bất động sản. Đã tập trung đôn đốc, hướng dẫn

¹⁹ Nghị định hướng dẫn thi hành Luật Nhà ở 65/2014/QH13 (thay thế Nghị định 71/2010/NĐ-CP, Nghị định 34/2013/NĐ-CP, Nghị định 84/2013/NĐ-CP), Nghị định hướng dẫn thi hành Luật Kinh doanh bất động sản 66/2014/QH13 (thay thế Nghị định 153/2007/NĐ-CP), Nghị định về phát triển và quản lý nhà ở xã hội (thay thế Nghị định số 188/2013/NĐ-CP), Nghị định về công tác cải tạo, xây dựng lại nhà chung cư cũ, Nghị định về xây dựng, quản lý và sử dụng hệ thống thông tin về nhà ở và thị trường bất động sản.

các Bộ, ngành, địa phương triển khai thực hiện các chính sách quản lý và phát triển nhà ở xã hội, nhà ở tái định cư, quản lý và sử dụng nhà ở thuộc sở hữu Nhà nước, nhà ở công vụ, hỗ trợ nhà ở cho người có công với cách mạng, hỗ trợ hộ nghèo xây dựng nhà ở phòng, tránh bão, lũ khu vực miền Trung,...

Công tác phát triển nhà ở theo Chiến lược phát triển nhà ở quốc gia tiếp tục được đẩy mạnh, ngày càng đáp ứng tốt hơn nhu cầu nhà ở người dân, đặc biệt là các đối tượng người có công, các hộ nghèo vùng ngập lũ đồng bằng sông Cửu Long, nhà ở cho các hộ nghèo phòng tránh lũ, lụt khu vực miền Trung, sinh viên, công nhân và người thu nhập thấp đô thị có khó khăn về nhà ở.

Tiếp tục thực hiện Chiến lược phát triển nhà ở quốc gia, trọng tâm là phát triển nhà ở xã hội, các tỉnh đã tập trung xây dựng Chương trình phát triển nhà ở trên địa bàn. Đến nay có 34 tỉnh đã phê duyệt Chương trình; 06 tỉnh đã hoàn thành việc xây dựng Chương trình đang trình HĐND tỉnh thông qua; 23 tỉnh đang triển khai xây dựng chương trình, dự kiến hoàn thành trong năm 2015.

Tốc độ phát triển nhà ở đã bám sát chỉ tiêu hàng năm được đề ra trong Chiến lược phát triển nhà ở quốc gia đến năm 2020, góp phần làm cho diện tích nhà ở cả nước tăng nhanh. Chất lượng nhà ở được cải thiện, từng bước đáp ứng nhu cầu sinh hoạt của nhân dân²⁰.

Năm 2014: Diện tích sàn nhà ở tăng 92 triệu m² so với năm 2013; Diện tích bình quân về nhà ở toàn quốc đạt khoảng 20,6 m² sàn/người (trong đó tại đô thị là 23 m² sàn/người, nông thôn là 19,5 m² sàn/người)²¹.

Tổng diện tích nhà ở xã hội (nhà ở cho học sinh, sinh viên nhà ở cho công nhân và người có thu nhập thấp) được hoàn thành trong năm 2014 ước đạt khoảng 0,8 triệu m² sàn tương ứng với khoảng 12.000 căn hộ, đưa tổng diện tích nhà ở xã hội toàn quốc đạt khoảng 1,8 triệu m².

Kết quả thực hiện các chương trình phát triển nhà ở quốc gia như sau:

- *Chương trình hỗ trợ nhà ở cho người có công với cách mạng:* dự kiến sẽ hỗ trợ cho 72.153 hộ với tổng kinh phí hỗ trợ từ Trung ương là 2.400 tỷ đồng. Tính đến nay, ngân sách Trung ương đã bố trí cho Chương trình 1.900 tỷ đồng (năm 2014: 900 tỷ đồng). Theo báo cáo của 51 tỉnh/thành phố, đã hoàn thành hỗ trợ cho 34.060 hộ (với 21.554 căn xây mới và 12.506 căn sửa chữa, cải tạo) và 6.763 hộ đang triển khai (với 4.674 căn xây mới và 2.089 căn sửa chữa, cải tạo).

- *Chương trình xây dựng cụm, tuyến dân cư và nhà ở vùng ngập lũ đồng bằng sông Cửu Long (giai đoạn 2):* mục tiêu của Chương trình là bố trí chỗ ở an

²⁰ Theo điều tra dân số và nhà ở giữa kỳ tại thời điểm 01/4/2014, tỷ trọng nhà kiên cố và bán kiên cố tăng 6,1% so với tại thời điểm năm 2009, nhóm nhà đơn sơ giảm 4,1% so với tại thời điểm năm 2009; trong đó số hộ có nhà ở kiên cố chiếm 46,6%, nhà bán kiên cố chiếm 43,7%, nhà thiếu kiên cố chiếm 5,9% và nhà đơn sơ là 3,7%; vùng Đồng bằng Sông Hồng có tỷ trọng nhà kiên cố cao nhất (90,2%) và tỷ trọng nhà đơn sơ thấp nhất (0,1%), vùng ĐB sông Cửu Long có tỷ trọng nhà kiên cố thấp nhất là (7,6%) và tỷ trọng nhà đơn sơ cao nhất (11,1%). Ngoài ra, kết quả điều tra cũng cho thấy, tỷ trọng nhà kiên cố ở khu vực nông thôn (48,9%) cao hơn thành thị (42,4%), tuy nhiên tỷ trọng nhà bán kiên cố ở thành thị (54,1%) cao hơn ở khu vực nông thôn (38,4%).

²¹ Theo điều tra dân số và nhà ở giữa kỳ tại thời điểm 01/4/2014, có sự khác biệt về diện tích bình quân về nhà ở giữa các vùng, cao nhất là vùng ĐB Sông Hồng (22,4 m² sàn/người), thấp nhất là khu vực Tây Nguyên (18,3 m² sàn/người).

toàn cho 56.000 hộ dân trong khu vực ngập lũ và sạt lở nguy hiểm. Tính đến nay, các địa phương đã hoàn thành 178/179 cụm, tuyến dân cư và bờ bao khu dân cư có sẵn (đạt tỷ lệ 99%²²) và đã bố trí 42.792/56.520 hộ thuộc đối tượng vào ở trong các cụm, tuyến dân cư và bờ bao khu dân cư có sẵn (đạt tỷ lệ 75,7%). Trong năm 2014, các địa phương đã hoàn thành đầu tư xây dựng 19 cụm, tuyến dân cư và bờ bao.

- *Chương trình hỗ trợ hộ nghèo xây dựng nhà ở phòng, tránh bão, lụt khu vực miền Trung*: bắt đầu triển khai theo Quyết định số 48/2014/QĐ-TTg ngày 28/8/2014 của Thủ tướng Chính phủ về chính sách hỗ trợ hộ nghèo xây dựng nhà ở phòng, tránh bão, lụt tại 14 tỉnh/thành phố khu vực duyên hải miền Trung, từ Thanh Hóa đến Bình Thuận. Chương trình dự kiến được thực hiện trong 3 năm²³ từ năm 2014 đến năm 2016, tổng số hộ cần hỗ trợ là 40.500 hộ với tổng kinh phí dự kiến là 1.157 tỷ đồng. Bộ Xây dựng đã ban hành Thông tư số 16/2014/TT-BXD và tổ chức Hội nghị hướng dẫn các địa phương triển khai thực hiện. Đến nay Chương trình đã được Ngân sách nhà nước bố trí 69,9 tỷ đồng cho 13 địa phương để triển khai hỗ trợ trong năm 2014.

- *Chương trình hỗ trợ hộ nghèo về nhà ở khu vực nông thôn (Chương trình 167 giai đoạn 2)*: Bộ Xây dựng đã hoàn thành, trình Thủ tướng Chính phủ Đề án hỗ trợ nhà ở cho các hộ nghèo theo chuẩn nghèo mới giai đoạn 2011-2015 và đã được Chính phủ thống nhất về chủ trương tiếp tục thực hiện giai đoạn 2.

Để đảm bảo tính khả thi trong cân đối ngân sách và phù hợp với định hướng giảm nghèo bền vững, Bộ Xây dựng đang hoàn thiện chương trình và chính sách hỗ trợ theo hướng rà soát lại đối tượng thụ hưởng chính sách, chuyển phương thức hỗ trợ từ hỗ trợ trực tiếp sang phương thức hỗ trợ chủ yếu là cung cấp tín dụng với lãi suất ưu đãi, với thời gian vay tối đa là 10 năm, có 5 năm ân hạn và thời gian thực hiện từ năm 2015 đến năm 2020 với tổng số hộ nghèo cần hỗ trợ khoảng 510.000 hộ.

- *Chương trình phát triển nhà ở sinh viên*: Trong năm 2014, đã có 19 dự án hoàn thành, đưa tổng số dự án bàn giao đưa vào sử dụng lên 75/95 dự án, giải quyết chỗ ở cho khoảng 145.000 sinh viên, đạt tỷ lệ bình quân chung 73%²⁴. Hầu hết các dự án thiết kế phù hợp, một số dự án được thiết kế hiện đại, chất lượng thi công tốt,... với giá cho thuê nhà đều ở mức thấp (dự án tại Thái Nguyên, Cần Thơ,... mức giá đều dưới 100 nghìn đồng/tháng).

- *Chương trình phát triển nhà ở xã hội tại khu vực đô thị*: trong năm 2014, đã hoàn thành đầu tư xây dựng 06 dự án nhà ở xã hội (04 dự án nhà ở xã hội cho người thu nhập thấp, 02 dự án nhà ở xã hội cho công nhân). Tính đến nay, đã hoàn thành việc đầu tư xây dựng 102 dự án xã hội; trong đó: 38 dự án nhà ở xã hội cho người thu nhập thấp với quy mô xây dựng khoảng 19.686 căn hộ, tổng

²² Trong đó, thành phố Cần Thơ đang tập hợp hồ sơ xin ngừng 01 cụm dân cư xã Trường Long, huyện Phong Điền.

²³ Nguồn vốn thực hiện Chương trình được hỗ trợ từ ngân sách nhà nước (từ 12 -16 triệu đồng/hộ tùy theo địa bàn); vay Ngân hàng Chính sách xã hội (15 triệu đồng/hộ; lãi suất vay 3%/năm; thời hạn vay 10 năm, thời gian ân hạn 5 năm); huy động vốn từ cộng đồng và đóng góp của hộ gia đình.

²⁴ Dự kiến đến hết năm 2014, sẽ có thêm 18 dự án đưa vào khai thác, sử dụng.

mức đầu tư khoảng 6.810 tỷ đồng; 64 dự án nhà ở xã hội cho công nhân với quy mô xây dựng khoảng 20.277 căn hộ, tổng mức đầu tư khoảng 4.440 tỷ đồng²⁵.

Tình hình thị trường bất động sản:

Việc thực hiện đồng bộ, kiên định các giải pháp tháo gỡ khó khăn cho thị trường bất động sản gắn với thực hiện Chiến lược phát triển nhà ở quốc gia, đặc biệt là nhà ở xã hội đã đạt được những kết quả quan trọng; thị trường bất động sản tiếp tục chuyển biến tích cực, nhất là vào nửa cuối năm 2014.

Bộ Xây dựng đã tổng kết, báo cáo Chính phủ về tình hình thị trường bất động sản năm 2013; đã đề xuất trình Chính phủ ban hành Nghị quyết số 61/NQ-CP ngày 21/8/2014 về việc sửa đổi, bổ sung Nghị quyết 02/NQ-CP theo hướng: *kéo dài thời hạn cho vay từ 10 năm lên 15 năm; tiếp tục hạ lãi suất cho vay; mở rộng đối tượng cho vay; mở rộng các ngân hàng thương mại tham gia cho vay gói tín dụng hỗ trợ nhà ở 30.000 tỷ đồng*; đã phối hợp với Ngân hàng Nhà nước ban hành Thông tư hướng dẫn thực hiện Nghị quyết số 61/NQ-CP. Hiện Bộ Xây dựng đang tiếp tục đôn đốc các địa phương đẩy mạnh việc thực hiện Nghị quyết số 02/NQ-CP, Nghị quyết 61/NQ-CP của Chính phủ; rút ngắn thủ tục lập, thẩm định, phê duyệt dự án phát triển nhà ở nhằm đẩy nhanh việc phát triển nhà ở xã hội, chuyển đổi nhà ở thương mại sang nhà ở xã hội, điều chỉnh cơ cấu nhà ở thương mại²⁶.

Thị trường bất động sản trong năm 2014 tiếp tục đà phục hồi tích cực, thể hiện qua lượng giao dịch tăng; lượng giao dịch thành công trong năm 2014 đạt được mức tăng trưởng khá so với cùng kỳ năm trước²⁷. Mặt bằng giá cả nhà ở nhìn chung là ổn định, nhiều dự án trong giai đoạn 2011-2013 giá đã giảm sâu (trên 30%), trong 12 tháng qua giá đã ổn định và không giảm tiếp. Tồn kho bất động sản tiếp tục giảm; cơ cấu hàng hóa bất động sản chuyển dịch theo hướng hợp lý, phù hợp hơn với nhu cầu của thị trường; tăng trưởng tín dụng bất động sản cao hơn mức tăng trưởng tín dụng chung, vốn FDI tiếp tục đầu tư vào lĩnh vực bất động sản.

Tính đến ngày 20/12/2014, tổng giá trị tồn kho bất động sản còn khoảng 73.889 tỷ đồng²⁸; so với Quý I/2013 giảm 54.659 tỷ đồng (giảm 42,5%), so với tháng 12/2013 giảm 20.569 tỷ đồng (giảm 21,8%), so với thời điểm 20/11/2014 giảm 3.921 tỷ đồng. Lượng tồn kho giảm chủ yếu tại các dự án căn hộ có diện tích nhỏ, giá bán trung bình, tại các dự án đã hoàn thành và những khu vực có hạ tầng tốt.

²⁵ Đang tiếp tục triển khai 150 dự án nhà ở xã hội, trong đó có 91 dự án nhà ở xã hội cho người thu nhập thấp, quy mô xây dựng khoảng 55.830 căn hộ, tổng mức đầu tư khoảng 28.505 tỷ đồng; 59 dự án nhà ở xã hội cho công nhân với quy mô xây dựng khoảng 66.753 căn hộ, tổng mức đầu tư khoảng 18.105 tỷ đồng.

²⁶ Hiện cả nước có 74 dự án đăng ký điều chỉnh cơ cấu căn hộ, với số lượng căn ban đầu là 33.867 căn xin điều chỉnh thành 44.881 căn (tăng 11.014 căn). Có 60 dự án đăng ký chuyển đổi từ nhà ở thương mại sang nhà ở xã hội với quy mô xây dựng 38.897 căn hộ.

²⁷ Tại Hà Nội tăng gần gấp đôi, tại TP Hồ Chí Minh tăng khoảng 30% so với cùng kỳ năm 2013.

²⁸ Trong đó: Tồn kho căn hộ chung cư: 15.400 căn (tương đương 23.583 tỷ đồng); Tồn kho nhà thấp tầng: 10.505 căn (tương đương 17.978 tỷ đồng); Tồn kho đất nền nhà ở: 8.635.252 m² (tương đương 27.783 tỷ đồng); Tồn kho đất nền thương mại: 1.637.782 m² (tương đương 4.545 tỷ đồng).

Kinh tế vĩ mô ổn định đã có tác động tốt đến thị trường bất động sản cùng với các giải pháp tháo gỡ khó khăn cho thị trường bất động sản gắn với việc thực hiện Chiến lược phát triển nhà ở quốc gia tiếp tục được triển khai một cách đồng bộ, quyết liệt đã có tác động tích cực đến thị trường. Niềm tin của khách hàng đối với thị trường đã dần được khôi phục. Lãi suất huy động ngân hàng giảm, chính sách cho vay hỗ trợ mua nhà ở xã hội đã được điều chỉnh thông thoáng hơn nên lượng tiền giải ngân tăng, tạo điều kiện cho các dự án nhà ở xã hội triển khai đúng tiến độ²⁹.

Qua hơn gần 2 năm triển khai đã khẳng định các giải pháp tháo gỡ khó khăn cho thị trường bất động sản gắn với thực hiện Chiến lược phát triển nhà ở quốc gia theo tinh thần Nghị quyết 02/NQ-CP là hoàn toàn đúng đắn; vừa giúp cho thị trường hồi phục tích cực, vừa đẩy mạnh phát triển nhà ở xã hội, giải quyết một cách căn bản nhu cầu nhà ở cho các nhóm đối tượng người dân có khó khăn về nhà ở, được đánh giá là việc làm có ý nghĩa chính trị, kinh tế, xã hội, nhân văn sâu sắc.

Nhiều doanh nghiệp bất động sản đã chủ động điều chỉnh chiến lược kinh doanh như: chuyển mạnh sang phát triển nhà ở xã hội; chia nhỏ căn hộ, sử dụng vật liệu hoàn thiện trong nước để giảm giá thành; hỗ trợ cho người mua nhà bằng nhiều hình thức như hỗ trợ vay ngân hàng, khuyến mại,... Thị trường bất động sản đã hướng tới bộ phận đa số người mua, cung cấp các hàng hóa phù hợp với nhu cầu thực và khả năng thanh toán của thị trường.

IV. QUẢN LÝ PHÁT TRIỂN VẬT LIỆU XÂY DỰNG

Công tác quản lý phát triển vật liệu xây dựng được tăng cường trên cơ sở tuân thủ quy hoạch, bám sát nhu cầu của thị trường trong nước và xuất khẩu, duy trì sự ổn định thị trường xi măng và các vật liệu xây dựng chủ yếu, tiếp tục đẩy mạnh phát triển vật liệu xây không nung.

Bộ Xây dựng đã tập trung rà soát, lập, điều chỉnh quy hoạch phát triển các sản phẩm vật liệu xây dựng chủ yếu; đã trình Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 1469/QĐ-TTg ngày 22/08/2014 phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển vật liệu xây dựng Việt Nam đến năm 2020 và định hướng đến năm 2030; Quyết định 1696/QĐ-TTg ngày 23/9/2014 về một số giải pháp thực hiện xử lý tro, xỉ thạch cao của các nhà máy nhiệt điện, nhà máy hóa chất để làm nguyên liệu sản xuất vật liệu xây dựng. Đã hoàn thành, đang trình Thủ tướng Chính phủ Quy hoạch phát triển công nghiệp vôi, Đề án phát triển sản xuất vật liệu xây dựng để sử dụng trong nước và xuất khẩu giai đoạn 2015- 2020, tầm nhìn 2030. Quy hoạch gốm sứ xây dựng, đá ốp lát ở Việt Nam đến năm 2020, tầm nhìn đến 2030 cũng đã được Bộ Xây dựng phê duyệt tại Quyết định số 1586/QĐ-BXD ngày 30/12/2014.

29 Đối với hộ gia đình, cá nhân: Ký hợp đồng cho vay 11.626 hộ với số tiền là 5.041 tỷ đồng; đã giải ngân cho 11.607 hộ với số tiền là 3.353 tỷ đồng. Đối với doanh nghiệp: Cam kết cho vay 34 dự án với số tiền là 4.376 tỷ đồng, TP. Hà Nội có 07 dự án với số tiền 1.917 tỷ đồng, TP. HCM là 03 dự án với số tiền là 808 tỷ đồng; đã giải ngân cho 29 dự án, dư nợ là 1.528 tỷ đồng.

Tập trung chỉ đạo các địa phương triển khai và kiểm soát chặt chẽ các quy hoạch, chương trình trong lĩnh vực vật liệu xây dựng, đảm bảo thực hiện đúng các nội dung quy hoạch, chương trình đã được phê duyệt, khai thác, sử dụng hợp lý tài nguyên khoáng sản và bảo vệ môi trường.

Tiếp tục kiểm tra, rà soát tình hình thực hiện các quy hoạch, đặc biệt là xi măng và các vật liệu xây dựng chủ yếu, bảo đảm cân đối cung - cầu thị trường trong nước, đẩy mạnh xuất khẩu, giải quyết hàng tồn kho. Đã tiến hành kiểm tra các dự án xi măng ở các tỉnh miền Bắc dự kiến vận hành năm 2014, 2015 và các dự án xi măng dự kiến đầu tư trong giai đoạn 2016-2020; trên cơ sở kết quả kiểm tra, Bộ Xây dựng đã đề xuất và được Thủ tướng Chính phủ đồng ý đưa 05 dự án có quy mô công suất 0,91 triệu tấn xi măng/năm ra khỏi quy hoạch, đồng thời hoãn triển khai 09 dự án và bổ sung thêm 01 dự án³⁰.

Trong năm 2014, có thêm 03 dự án xi măng đi vào vận hành³¹, nâng tổng số dây chuyền sản xuất xi măng lên 74 với tổng công suất thiết kế là 77,35 triệu tấn, công suất huy động khoảng 73-74 triệu tấn. Tổng sản lượng xi măng, clinker tiêu thụ khoảng 70,6 triệu tấn, tăng khoảng 15% so với năm 2013. Sản lượng xi măng tiêu thụ trong nước đạt khoảng 50,9 triệu tấn, tăng 10% so với năm 2013; sản lượng clinker, xi măng xuất khẩu đạt 19,7 triệu tấn, tăng 30% so với năm 2013.

Qua báo cáo của 52/63 tỉnh, thành phố, đã có 47 tỉnh, thành phố lập Quy hoạch phát triển VLXD đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030 của tỉnh (trong đó 12 tỉnh lập có đồ án từ trước năm 2008, đến nay không còn phù hợp, đang tiến hành rà soát, điều chỉnh, bổ sung); 05 tỉnh báo cáo đang nghiên cứu lập quy hoạch trên địa bàn.

Thực hiện kiểm tra một số địa phương trong việc thực hiện Quy hoạch khoáng sản làm vật liệu xây dựng và khoáng sản làm nguyên liệu xi măng; kiểm tra tình hình thực hiện Chỉ thị số 10/CT-TTg ngày 16/4/2012 của Thủ tướng Chính phủ và hướng dẫn các địa phương thực hiện Thông tư số 09/2012/TT-BXD ngày 28/11/2012 của Bộ Xây dựng quy định sử dụng vật liệu xây không nung trong các công trình xây dựng theo hướng có sự điều chỉnh lộ trình áp dụng cho phù hợp với tình hình thực tế tại địa phương.

Chương trình phát triển vật liệu xây không nung được đẩy mạnh, góp phần tiết kiệm tài nguyên thiên nhiên và bảo vệ môi trường. Hiện nay, cả nước có 12 nhà máy sản xuất gạch bê tông khí chưng áp (tổng công suất 1,3 tỷ viên/năm), 17 nhà máy sản xuất bê tông bọt, trên 1.000 dây chuyền sản xuất gạch xi măng cốt liệu (công suất trên 7 triệu viên quy tiêu chuẩn/năm). Tổng công suất VLXKN khoảng 6 tỷ viên quy tiêu chuẩn/năm vượt mục tiêu của Chương trình phát triển VLXKN đã đề ra. Ngoài ra còn một số chủng loại

³⁰ Đưa ra khỏi quy hoạch 05 dự án gồm: Cao Dương, Chợ Mới, Việt Đức, Long Thọ, Ngân Sơn. Hoãn triển khai 09 dự án gồm: Thanh Sơn, Tân Phú Xuân, Tân Tạo, Yên Mao, Sài Gòn Tân Kỳ, Phú Sơn, Mỹ Đức, Nam Đông, Minh Tâm. Bổ sung thêm 01 dự án: Dự án xi măng Long Sơn (Thanh Hóa) công suất 2,3 triệu tấn/năm được triển khai từ đầu năm 2014, dự kiến vận hành năm 2018.

³¹ Xi măng Thạnh Mỹ, Xi măng Trung Sơn, Xi măng Đồng Lâm.

VLXKN khác như: tấm tường thạch cao, tấm 3D,... cũng được đầu tư, phát triển. Đã có 30 tỉnh xây dựng lộ trình xóa bỏ lò gạch thủ công, lò thủ công cải tiến, lò vòng sử dụng nhiên liệu hóa thạch, tiêu biểu như: Thái Bình, Kon Tum, Quảng Ngãi, Bắc Ninh,... đặc biệt tại Tp.Hồ Chí Minh đã dừng sản xuất 100% các cơ sở sản xuất gạch đất sét nung.

Thực hiện Chỉ thị số 16/CT-TTg của Thủ tướng Chính phủ về tháo gỡ khó khăn và đẩy mạnh thực hiện Chiến lược phát triển ngành cơ khí Việt Nam, Bộ Xây dựng đã thực hiện rà soát và đề nghị Bộ Công thương bổ sung một số dự án và dây chuyền vào Danh mục các sản phẩm cơ khí trọng điểm để trình Thủ tướng Chính phủ³².

Trong lĩnh vực sản xuất tấm lợp amiăng xi măng; hiện nay cả nước có 41 cơ sở sản xuất tấm lợp amiăng xi măng, năng lực sản xuất khoảng 106 triệu m²/năm. Năm 2013 sản xuất được 89 triệu m², tiêu thụ 81,5 triệu m².

Để có cơ sở đánh giá ảnh hưởng của vật liệu amiăng trắng đến sức khỏe con người - một vấn đề đang được dư luận xã hội quan tâm; Bộ Xây dựng đã tập trung chỉ đạo nghiên cứu, đánh giá thực trạng việc sử dụng amiăng cryzotin (amiăng trắng) ở Việt Nam và thế giới; đánh giá thực trạng công nghệ, máy móc thiết bị, mức độ ô nhiễm môi trường tại các nhà máy sản xuất tấm lợp có sử dụng amiăng trắng; đánh giá ảnh hưởng của vật liệu amiăng trắng đến sức khỏe con người³³.

Về tình hình các loại vật liệu xây dựng chủ yếu khác:

- *Gạch ốp lát, sứ vệ sinh, đá ốp lát*: Tổng công suất gạch gồm ốp lát đạt 389 triệu m²/năm, sứ vệ sinh đạt 14,7 sản phẩm/năm, đá ốp lát đạt 13 triệu m²/năm.

- *Kính xây dựng*: đã đưa vào hoạt động Nhà máy kính siêu phẳng ở Bà Rịa – Vũng Tàu (công suất 40 triệu m²QTC/năm), nâng tổng công suất thiết kế các nhà máy sản xuất kính lên 188 triệu m²QTC/năm. Thực tế sản xuất đạt 80% công suất thiết kế.

V. CÔNG TÁC CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH

Tiếp tục đẩy mạnh công tác cải cách thể chế; Bộ Xây dựng đã tập trung rà soát, sửa đổi, bổ sung hoàn thiện thể chế, đặc biệt là trong lĩnh vực quản lý đầu tư xây dựng, phát triển đô thị, nhà ở và thị trường bất động sản; đảm bảo phù hợp với nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, tăng cường sự quản lý của Nhà nước, tạo hành lang pháp lý hoàn chỉnh và môi trường đầu tư kinh doanh thông thoáng, thuận lợi để huy động tối đa các nguồn lực cho đầu tư phát triển, nhưng đồng thời phải tăng cường vai trò, trách nhiệm của cơ quan quản lý

³² Dự án đầu tư và dây chuyền thiết bị hoàn chỉnh cho sản xuất VLKN, xử lý chất thải rắn đô thị, thiết bị đồng bộ cho dây chuyền xi măng lò quay công suất trên 2.500 tấn clinker/ngày; dự án đầu tư chế tạo dây chuyền thiết bị xử lý tro, xi, thạch cao từ sản xuất công nghiệp.

³³ Bộ Xây dựng đã cùng với Ủy ban KHCN&MT của Quốc hội tổ chức cuộc hội thảo khoa học “Quản lý và sử dụng amiăng trắng trong sản xuất tấm lợp tại Việt Nam” ngày 17/6/2014; cùng Bộ KH&CN, Ủy ban KHCN&MT của Quốc hội chủ trì Hội nghị khoa học quốc tế “Ảnh hưởng của amiăng trắng đến sức khỏe con người- biện pháp quản lý phù hợp” và đã có báo cáo Thủ tướng Chính phủ đề xin ý kiến chỉ đạo.

nhà nước chuyên ngành, kiểm soát chặt chẽ các nguồn lực của Nhà nước; khắc phục tư tưởng “*nhà nước hóa*”, cũng như tư tưởng “*thị trường hóa*” một cách cực đoan trong quản lý đầu tư xây dựng.

Trong năm 2014, Bộ Xây dựng tiếp tục đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính (TTHC) trong lĩnh vực đầu tư xây dựng, trên nguyên tắc công khai, minh bạch, đơn giản hóa quy trình, thủ tục, hồ sơ và rút ngắn thời gian thực hiện tránh gây phiền hà, tốn kém cho doanh nghiệp, người dân và xã hội, nhưng phải bảo đảm duy trì trật tự, kỷ cương, không cực đoan loại bỏ các TTHC cần thiết bằng mọi giá. Bộ đã tập trung hoàn thiện trình Quốc hội thông qua Luật Xây dựng 2014 với nhiều nội dung đổi mới liên quan đến TTHC, theo đó:

(1) Phân biệt các dự án đầu tư xây dựng sử dụng các nguồn vốn khác nhau thì có phương thức quản lý khác nhau³⁴.

(2) Quy định rõ trình tự, thủ tục, nội dung, thời gian và trách nhiệm của các cơ quan thực hiện các thủ tục liên quan đến dự án đầu tư xây dựng tùy thuộc vào tính chất, quy mô và nguồn vốn sử dụng khác nhau.

(3) Cơ quan chuyên môn về xây dựng (xây dựng, giao thông, nông nghiệp phát triển nông thôn, công thương, quốc phòng, công an) có trách nhiệm chủ trì thẩm định dự án đầu tư xây dựng sử dụng vốn ngân sách nhà nước và vốn nhà nước ngoài ngân sách, thẩm định thiết kế kỹ thuật và chi phí xây dựng.

(4) Về giấy phép xây dựng: Đã mở rộng đối tượng công trình được miễn giấy phép xây dựng³⁵, quy định về các trường hợp cấp giấy phép theo giai đoạn, cấp giấy phép cho nhóm công trình thay vì cấp giấy phép xây dựng cho từng công trình như trước đây³⁶. Quy định cụ thể quy trình cấp giấy phép xây dựng, quy định cụ thể thời gian cho ý kiến (10 ngày) và trách nhiệm của các cơ quan liên quan,...

Bộ đã ban hành Quy chế thực hiện kiểm soát TTHC và tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị của cá nhân, tổ chức về quy định hành chính của Bộ Xây dựng. Thực hiện đơn giản hóa 79 TTHC (đạt 100% các TTHC phải thực thi); công bố công khai, kịp thời các TTHC mới ban hành, TTHC sửa đổi, bổ sung và TTHC bãi bỏ; thông báo cập nhật các TTHC mới ban hành vào Cơ sở dữ liệu quốc gia. Tiến hành kiểm tra 142 văn bản quy phạm pháp luật do các Bộ, ngành, địa phương ban hành; kiểm tra công tác cải cách hành chính tại các đơn vị trực thuộc Bộ.

³⁴ Trong đó, đối với các dự án có sử dụng vốn nhà nước thì các cơ quan quản lý nhà nước chuyên ngành phải quản lý chặt chẽ theo nguyên tắc “*tiền kiểm*” nhằm nâng cao chất lượng công trình, chống thất thoát lãng phí và nâng cao hiệu quả sử dụng vốn đầu tư; đối với các dự án sử dụng vốn ngoài nhà nước thì điều chỉnh theo hướng cơ quan quản lý nhà nước tập trung kiểm soát về quy hoạch, quy chuẩn tiêu chuẩn, chất lượng, an toàn, bảo vệ môi trường, phòng chống cháy nổ, còn các nội dung khác thì giao quyền chủ động cho người quyết định đầu tư và chủ đầu tư, nhằm tạo sự chủ động, thu hút tối đa các nguồn lực thuộc mọi thành phần kinh tế tham gia hoạt động đầu tư xây dựng,...

³⁵ Cụ thể là: các công trình thuộc dự án khu kinh tế, khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao; nhà ở riêng lẻ dưới 7 tầng thuộc dự án phát triển đô thị, dự án phát triển nhà ở; nhà ở riêng lẻ ở nông thôn.

³⁶ Đối với công trình cấp 1, cấp đặc biệt, nếu chủ đầu tư có nhu cầu thì được đề nghị cấp giấy phép xây dựng theo từng giai đoạn để đẩy nhanh tiến độ thực hiện dự án; đối với dự án gồm nhiều công trình, chủ đầu tư được đề nghị cấp giấy phép xây dựng cho một, nhiều hoặc tất cả các công trình thuộc dự án.

Tích cực thực hiện công tác tuyên truyền phổ biến, giáo dục pháp luật, hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp. Trong năm đã tổ chức 205 lớp tập huấn cho 4.867 lượt người về các văn bản pháp luật thuộc các lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ; thực hiện đăng tải, tuyên truyền các nội dung có liên quan đến cải cách hành chính trên Website của Bộ và các phương tiện thông tin, truyền thông khác.

Phối hợp với Bộ Nội vụ ban hành Thông tư liên tịch hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của các cơ quan chuyên môn giúp UBND cấp tỉnh, cấp huyện thực hiện chức năng quản lý nhà nước ngành Xây dựng. Tiếp tục kiện toàn tổ chức bộ máy cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp thuộc Bộ Xây dựng; sắp xếp lại hệ thống các đơn vị sự nghiệp thuộc Bộ³⁷.

Đã ban hành 02 Quy chế về công tác cán bộ tại các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp và doanh nghiệp thuộc Bộ. Hoàn thành xây dựng Đề án vị trí việc làm đối với các đơn vị hành chính, tiếp tục hoàn thiện Đề án vị trí việc làm đối với các đơn vị sự nghiệp.

Thực hiện tốt cơ chế giao quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, biên chế và tài chính đối với các đơn vị hành chính, sự nghiệp thuộc Bộ theo quy định của pháp luật.

Đầu tư cải tạo, sửa chữa, nâng cấp hệ thống phòng làm việc, trang thiết bị, cơ sở dữ liệu thông tin để hiện đại hóa công sở cơ quan Bộ Xây dựng. Áp dụng Hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn TCVN ISO 9001:2008 vào hoạt động chỉ đạo điều hành của Bộ.

VI. QUẢN LÝ PHÁT TRIỂN CÁC DOANH NGHIỆP NGÀNH XÂY DỰNG

1. Tình hình chung

Tại thời điểm 01/01/2014; tổng số doanh nghiệp hoạt động trong các lĩnh vực của Ngành (*xây dựng, sản xuất vật liệu xây dựng, tư vấn xây dựng và kinh doanh bất động sản*) là 75.998 doanh nghiệp (tăng 3.770 DN so tại thời điểm 01/01/2013)³⁸.

Trong năm vừa qua, hoạt động sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp ngành Xây dựng đã có những chuyển biến tích cực. Các Bộ, ngành, địa phương đã đẩy mạnh huy động các nguồn lực cho đầu tư phát triển, tập trung chỉ đạo các công trình quan trọng và cấp thiết, sớm hoàn thành đưa vào sử dụng³⁹. Nhiều dự án đầu tư xây dựng trong các lĩnh vực phát triển nhà ở, đô thị, hạ tầng giao thông được bổ sung thêm nguồn vốn và được các nhà thầu tập trung, đẩy nhanh tiến độ thực hiện. Nhu cầu xây dựng các công trình có vốn từ ngân sách Nhà

³⁷ Thành lập Viện Quy hoạch xây dựng miền Nam; tiếp nhận 10 Trường đào tạo từ các TCT và tổ chức thành đơn vị sự nghiệp trực thuộc Bộ; tiếp nhận 05 đơn vị sự nghiệp y tế và tổ chức thành đơn vị sự nghiệp trực thuộc Bộ.

³⁸ Nguồn số liệu của Tổng cục Thống kê.

³⁹ Nguồn số liệu của Tổng cục Thống kê, Vốn đầu tư toàn xã hội theo giá hiện hành ước đạt 1.220,7 nghìn tỷ đồng (tăng 11,5% so với năm 2013), bằng 31% GDP. Vốn khu vực nhà nước đạt 486,8 nghìn tỷ, chiếm 39,9% (tăng 10,1% so với năm 2013); KV ngoài NN đạt 468,5 nghìn tỷ đồng chiếm 38,4% (tăng 13,6% so với năm 2013); KV có vốn ĐTNN đạt 265,4 nghìn tỷ, chiếm 21,7% (tăng 10,5% so với năm 2013).

nước và các công trình phục vụ cho xây dựng xã nông thôn mới tăng cao hơn năm trước; nhu cầu xây dựng nhà và các công trình phục vụ SXKD ở khu vực dân cư có xu hướng tăng; giá cả vật tư tương đối ổn định. Cùng với việc tiếp cận được nguồn vốn vay và thị trường bất động sản đang ấm dần, cũng như thị trường VLXD trong năm không có biến động lớn, khó khăn cho các doanh nghiệp ngành Xây dựng cũng đã được giảm bớt đáng kể trong năm 2014.

Giá trị sản xuất xây dựng theo giá hiện hành: ước tính đạt khoảng 849 nghìn tỷ đồng (tăng 10,2% so với năm 2013); bao gồm: Khu vực Nhà nước đạt 84,3 nghìn tỷ đồng (giảm 8,9%), chiếm 9,9%; khu vực ngoài Nhà nước 709,9 nghìn tỷ đồng (tăng 10,3%), chiếm 83,6%; khu vực có vốn đầu tư nước ngoài 54,8 nghìn tỷ đồng (tăng 62,3%), chiếm 6,5%. Trong tổng giá trị sản xuất: công trình nhà ở đạt 354,8 nghìn tỷ đồng (tăng 6,7%); công trình nhà không để ở đạt 136,7 nghìn tỷ đồng (tăng 5,8%); công trình hạ tầng kỹ thuật dân dụng đạt 257,3 nghìn tỷ đồng (tăng 17,4%), hoạt động xây dựng chuyên dụng đạt 100,2 nghìn tỷ đồng (tăng 12%).

Giá trị sản xuất xây dựng năm 2014 theo giá so sánh 2010: ước tính đạt 676 nghìn tỷ đồng (tăng 7,6% so với năm 2013), bao gồm: Khu vực Nhà nước đạt 69,2 nghìn tỷ đồng (giảm 10,9%); khu vực ngoài Nhà nước đạt 563,1 nghìn tỷ đồng (tăng 7,6%); khu vực có vốn đầu tư nước ngoài đạt 43,8 nghìn tỷ đồng (tăng 58%). Trong tổng giá trị sản xuất: công trình nhà ở đạt 282,3 nghìn tỷ đồng (tăng 4,3%); công trình nhà không để ở đạt 109,3 nghìn tỷ đồng (tăng 4,1%); công trình kỹ thuật dân dụng đạt 204,1 nghìn tỷ đồng (tăng 14,3%); hoạt động xây dựng chuyên dụng đạt 80,4 nghìn tỷ đồng (tăng 8,2%).

Giá trị tăng thêm ngành xây dựng (theo giá so sánh năm 2010): đạt 161,87 nghìn tỷ đồng (tăng 7,07% so với năm 2013) (cao hơn so với mức 5,87% của năm 2013), chiếm tỷ trọng 6% GDP cả nước (năm 2013 chiếm 5,9% GDP).

Lĩnh vực kinh doanh bất động sản và xây dựng là 02 lĩnh vực thu hút được nhiều sự quan tâm của nhà đầu tư nước ngoài. Trong năm 2014, giá trị sản xuất xây dựng của khu vực doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài tăng mạnh (58% theo giá so sánh năm 2010). Tính đến thời điểm 15/12/2014, trong lĩnh vực kinh doanh bất động sản và xây dựng có 142 dự án cấp mới với tổng vốn đầu tư đăng ký cấp mới và tăng thêm là 3.130 triệu USD (năm 2013 có 141 dự án với tổng vốn đăng ký 951 triệu USD)⁴⁰.

Sản lượng xi măng, clinker tiêu thụ ước toàn ngành khoảng 70,6 triệu tấn, đạt 110,3% so kế hoạch năm, trong đó xi măng tiêu thụ nội địa đạt 50,9 triệu tấn (đạt 103,8% kế hoạch, tăng 10% so với cùng kỳ); đáp ứng đủ cho nhu cầu trong

⁴⁰ Nguồn số liệu: Cục Đầu tư nước ngoài (Bộ KH&ĐT); trong đó:

- Lĩnh vực KDBĐS: có 35 dự án cấp mới với tổng vốn đăng ký 2.187 triệu USD, 04 lượt dự án tăng vốn với tổng vốn đăng ký tăng thêm 357 triệu USD, vốn đăng ký cấp mới và tăng thêm là 2.544 triệu USD, chiếm 12,6% tổng vốn đăng ký cấp mới và tăng thêm, đứng thứ 2 về thu hút vốn đầu tư nước ngoài.

- Lĩnh vực xây dựng có 107 dự án cấp mới với tổng vốn đăng ký 942,8 triệu USD, 16 lượt dự án tăng vốn với tổng vốn đăng ký tăng thêm 114 triệu USD, vốn đăng ký cấp mới và tăng thêm 1.057 triệu USD, chiếm 5,2% tổng vốn đăng ký cấp mới và tăng thêm, đứng thứ 3 về thu hút vốn đầu tư nước ngoài.

nước và xuất khẩu khoảng 19,7 triệu tấn xi măng và clinker (bằng 130% kế hoạch năm, tăng 30% so với năm 2013).

Mặc dù đạt được những kết quả nhất định, nhưng các doanh nghiệp ngành Xây dựng vẫn phải đối mặt với nhiều khó khăn thách thức. Tình trạng nợ đọng khối lượng của các doanh nghiệp từ những năm trước vẫn còn dây dưa, kéo dài, chưa giải quyết được triệt để. Lãi suất cho vay tuy đã được điều chỉnh giảm nhưng nhiều doanh nghiệp vẫn gặp khó khăn trong việc tiếp cận vốn để phục vụ cho việc sản xuất kinh doanh, đầu tư phát triển.

2. Về tình hình hoạt động của các Tổng công ty nhà nước thuộc Bộ Xây dựng quản lý

2.1. Về sản xuất kinh doanh và đầu tư phát triển

- Tổng giá trị sản xuất kinh doanh: ước đạt 149.587,3 tỷ đồng, đạt 106,9% kế hoạch, bằng 103,6% so với cùng kỳ⁴¹.

- Tổng giá trị đầu tư: ước đạt 15.060 tỷ đồng, đạt 102,3% kế hoạch, bằng 144,2% so với cùng kỳ.

- Giá trị doanh thu: ước đạt 133.391 tỷ đồng; bằng 104% so với cùng kỳ.

- Lợi nhuận trước thuế: ước đạt 2.829 tỷ đồng; bằng 154% so với cùng kỳ.

- Tổng vốn chủ sở hữu: 44.090 tỷ đồng.

- Tỷ suất lợi nhuận/ vốn chủ sở hữu: 6,4%

- Tỷ suất lợi nhuận/doanh thu: 2,1%

Trong năm 2014, các Tổng công ty đã có nhiều cố gắng và đã đạt được những kết quả tích cực trong các hoạt động sản xuất kinh doanh và đầu tư phát triển so với các năm 2011-2013, đảm bảo mục tiêu tăng trưởng ở hầu hết các lĩnh vực, duy trì ổn định doanh thu và tăng trưởng lợi nhuận. Một số đơn vị đã thực hiện vượt mức các chỉ tiêu kế hoạch năm 2014 và cao hơn so với mức thực hiện năm 2013.

Lĩnh vực xây lắp: chiếm tỷ lệ 37% tổng giá trị SXKD và vẫn giữ vai trò chủ đạo trong hoạt động xây lắp toàn ngành. Các đơn vị đã tập trung đẩy nhanh tiến độ thi công, đảm bảo chất lượng các công trình trọng điểm trên cả nước như: Thủy điện Lai Châu, Nhà Quốc Hội, Nhiệt điện Vũng Áng, Lọc dầu Nghi Sơn, Nhiệt điện Thái Bình,... đồng thời đẩy nhanh thực hiện các dự án, cụm công trình nhà ở xã hội, nhà ở thương mại tại các đô thị.

Trong lĩnh vực kinh doanh bất động sản: nhiều dự án đã được mở bán trở lại và thu hút được khách hàng nhất là các dự án tại khu vực Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh, Bắc Ninh với lượng căn hộ bán ra trong năm đạt cao với các dòng

⁴¹ Trong đó: giá trị xây lắp đạt 54.623,5 tỷ đồng, đạt 109,1% kế hoạch, bằng 99,6% so với cùng kỳ; Giá trị công nghiệp, vật liệu xây dựng đạt 65.976,3 tỷ đồng, đạt 104,3% kế hoạch, bằng 105,5% so với cùng kỳ; Giá trị tư vấn đạt 1.317 tỷ đồng; đạt 97% kế hoạch, bằng 91,3% so với cùng kỳ; Giá trị kinh doanh khác đạt 27.670,6 tỷ đồng; đạt 109,6% kế hoạch, bằng 108,6% so với cùng kỳ.

sản phẩm nhà ở xã hội, nhà ở cao tầng thương mại cao cấp và đất nền, trong đó đáng kể đến là các dự án khu đô thị Đặng Xá, Xuân Phương, Mỹ Trì (Hà Nội) của Viglacera hay Khu nhà ở Lý Thái Tổ (Bắc Ninh), Việt Hưng, Tây Nam Linh Đàm (Hà Nội), Đông Tăng Long (Thành phố Hồ Chí Minh) của HUD,...

Trong lĩnh vực kinh doanh vật liệu xây dựng: đạt mức tăng trưởng khá với các sản phẩm chủ đạo như kính xây dựng, gạch ốp lát cao cấp, xi măng. So với những năm gần đây, chất lượng sản phẩm, chủng loại hàng hóa, lượng tiêu thụ đã tốt hơn và có khả năng cạnh tranh được với hàng ngoại nhập. Mặt khác, lượng tiêu thụ năm 2014 cũng đã phục hồi khá tốt, giá trị xuất nhập khẩu hàng hóa đạt cao đối với hầu hết các mặt hàng, khối lượng hàng tồn kho giảm mạnh.

Trong lĩnh vực đầu tư phát triển: Thực hiện đầu tư năm 2014 là 15.060 tỷ đồng, đạt 102,3% kế hoạch, bằng 144,2% so với cùng kỳ, trong đó:

- *Phát triển nhà ở, hạ tầng kỹ thuật đô thị, hạ tầng xã hội:* có 206 dự án, kế hoạch đầu tư là 9.723 chiếm tỷ trọng 66,1% kế hoạch vốn năm 2014 của các doanh nghiệp thuộc Bộ. Ước thực hiện năm đạt 10.004 tỷ đồng;

- *Nhà máy điện:* 15 dự án, kế hoạch đầu tư là 2.373,2 tỷ đồng chiếm tỷ trọng 16,1% kế hoạch vốn năm 2014, ước thực hiện năm đạt 1.740,8 tỷ đồng;

- *Xi măng:* 11 dự án, kế hoạch đầu tư là 648,9 tỷ đồng chiếm tỷ trọng 4,4% kế hoạch vốn năm 2014, ước thực hiện năm đạt 844,7 tỷ đồng;

- *Các lĩnh vực khác:* kế hoạch vốn là 1.965 tỷ đồng, chiếm tỷ trọng 13,3% kế hoạch vốn năm 2014, bao gồm các lĩnh vực: Giao thông, thủy lợi; hạ tầng kỹ thuật khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao; sản xuất công nghiệp và vật liệu xây dựng; cơ khí, kết cấu thép,... Ước thực hiện năm đạt 2.469,7 tỷ đồng.

Tình hình tài chính của các công ty mẹ - Tổng công ty và các công ty cổ phần đã có những chuyển biến tích cực, lành mạnh, ổn định hơn nhất là các doanh nghiệp xây lắp công nghiệp, chế tạo, sản xuất và kinh doanh vật liệu xây dựng, nhà ở. Chỉ tiêu doanh thu và lợi nhuận đều đạt và vượt kế hoạch đề ra. Một số đơn vị đạt được hiệu quả cao trong hoạt động sản xuất kinh doanh (như Viglacera, VICEM, DIC, IDICO,...).

2.2. Về tái cơ cấu và cổ phần hóa doanh nghiệp

Bộ Xây dựng đã quyết liệt triển khai đồng loạt việc cổ phần hóa toàn bộ các DNNN còn lại và thực hiện Đề án tái cơ cấu đã được phê duyệt, trọng tâm là công tác thoái vốn. Phần lớn các doanh nghiệp đã thực hiện cổ phần hóa theo đúng tiến độ đã được phê duyệt và tích cực triển khai thực hiện tái cơ cấu toàn diện, từng bước lành mạnh hóa tình hình tài chính, cơ cấu lại và nâng cao khả năng cạnh tranh của sản phẩm, dịch vụ. Kết quả cụ thể như sau:

- *Về cổ phần hóa:* Đã hoàn thành cổ phần hóa 04 Công ty mẹ TCT (gồm Viglacera, Viwaseen, Xây dựng Hà Nội, Xây dựng Bạch Đằng) và 02 Công ty con thuộc Tổng công ty VNCC. Đang tiến hành thực hiện cổ phần hóa 19 doanh nghiệp: 09 công ty mẹ (FICO, CC1, LILAMA, COMA, Sông Đà, VICEM, HUD,

IDICO và VNCC) cùng với 10 công ty con cổ phần hóa cùng công ty mẹ. Đến nay, phần lớn các Tổng công ty đã hoàn thành các thủ tục pháp lý để tiến hành các bước cổ phần hóa⁴². Trong 09 Tổng công ty thực hiện cổ phần hóa, đã có 04 Tổng công ty (FICO, CC1, COMA, LILAMA) hoàn thành thẩm định giá trị doanh nghiệp, 02 TCT (Sông Đà, VICEM) đang thực hiện xác định giá trị doanh nghiệp, 03 TCT (VNCC, HUD, IDICO) đang xử lý tài chính trước khi xác định giá trị doanh nghiệp. Dự kiến trong Quý I/2015, thực hiện IPO Tổng công ty LICOGI; trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt phương án cổ phần hóa 04 TCT: FICO, CC1, COMA và LILAMA.

- *Về thực hiện Đề án tái cơ cấu:* Tập trung đẩy mạnh triển khai các Đề án tái cơ cấu doanh nghiệp đã được phê duyệt trong đó trọng tâm là công tác thoái vốn; đến nay, các Tổng công ty thuộc Bộ Xây dựng thực hiện thoái vốn tại 54 danh mục thoái vốn với giá trị 2.376,79 tỷ đồng (đạt 47,1% kế hoạch thoái vốn), trong đó đã thoái vốn thành công tại 36 danh mục với tổng giá trị 1.027,5 tỷ đồng, đang tiếp tục thoái vốn tại 18 danh mục với tổng giá trị 1.349,24 tỷ đồng.

- *Về tái cơ cấu quản trị doanh nghiệp:* Phần lớn các Công ty mẹ đã hoàn thành tái cơ cấu bộ máy tổ chức công ty mẹ theo đề án đã được phê duyệt; hoàn thành phê duyệt Điều lệ Tổ chức và hoạt động. Các Tổng công ty cũng đã xây dựng và ban hành Quy chế tài chính, Quy chế quản lý nợ, Quy chế tiền lương, tiền thưởng, thù lao của viên chức quản lý, Quy chế kiểm soát viên, Quy chế hoạt động của người đại diện theo ủy quyền,... Nhiều Tổng công ty đã thực hiện áp dụng quy trình quản lý hiện đại, tiên tiến như quy trình quản trị rủi ro, quản trị chiến lược, quản trị nhân sự, quản trị thương hiệu,...

VII. QUẢN LÝ HOẠT ĐỘNG CỦA CÁC ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP

Hệ thống các đơn vị sự nghiệp trực thuộc Bộ hiện có 40 đơn vị gồm: 06 Viện nghiên cứu; 04 Trường Đại học; 01 Học viện; 04 trường cao đẳng xây dựng; 05 trường cao đẳng nghề; 07 trường trung cấp; 04 đơn vị thuộc lĩnh vực báo chí, thông tin, xuất bản; 03 Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng; 02 Bệnh viện và 04 Trung tâm Phục hồi chức năng.

Thực hiện Quyết định số 555/QĐ-TTg ngày 18/4/2014 của Thủ tướng Chính phủ; Bộ Xây dựng đã trình Thủ tướng Chính phủ quyết định thành lập Viện Quy hoạch xây dựng miền Nam trên cơ sở tổ chức lại Phân viện Quy hoạch đô thị và nông thôn miền Nam; hoàn thành việc tiếp nhận các đơn vị sự nghiệp (10 trường cao đẳng, trung cấp) trực thuộc các doanh nghiệp và 05 đơn vị trực thuộc Bệnh viện xây dựng về Bộ quản lý; ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức cho các đơn vị. Các đơn vị mới được thành lập hoặc tiếp nhận đến nay đã ổn định tổ chức; đã ban hành Quy chế chi tiêu nội bộ và đăng ký kê khai tài sản theo quy định; đã xây dựng phương án tự

⁴² Thành lập Ban chỉ đạo, Tổ giúp việc Ban chỉ đạo cổ phần hóa Tổng công ty; phê duyệt kế hoạch cổ phần hóa; lựa chọn đơn vị tư vấn xác định giá trị doanh nghiệp; tư vấn xây dựng phương án cổ phần hóa; phê duyệt dự toán chi phí cổ phần hóa các TCT.

chủ trì Bộ Xây dựng và Bộ Tài chính thẩm định để thực hiện tự chủ tài chính từ năm 2015.

Trong năm 2014, Bộ Xây dựng đã phối hợp với Kiểm toán Nhà nước thực hiện việc kiểm toán ngân sách, tiền và tài sản nhà nước năm 2013 đối với một số đơn vị. Qua kiểm toán, nhìn chung các đơn vị đã thực hiện nghiêm túc các quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng nguồn lực ngân sách nhà nước. Tuy nhiên vẫn còn một số vấn đề tồn tại các đơn vị cần chấn chỉnh, rút kinh nghiệm nhất là trong tổ chức hạch toán kế toán đối với lĩnh vực chi thường xuyên, thực hiện thu nộp ngân sách nhà nước,... Đến nay, hầu hết các đơn vị đã thực hiện nghiêm túc các kiến nghị của Kiểm toán Nhà nước, như: điều chỉnh sổ sách, lập lại báo cáo quyết toán năm 2013; nộp thuế đầy đủ, kịp thời.

1. Công tác đào tạo của khối Trường, Học viện

Các Trường đã tập trung cải tiến, xây dựng chương trình đào tạo tiên tiến, từng bước tiến tới hội nhập khu vực và thế giới, chương trình đào tạo cao đẳng nghề, trung cấp nghề theo quy định của Luật Dạy nghề; thực hiện tốt công tác tuyển sinh, đào tạo năm 2014, đặc biệt là công tác tuyển sinh đào tạo nghề trong bối cảnh tâm lý học sinh không muốn đăng ký vào học các nghề thuộc nhóm nghề xây dựng.

Kết quả tuyển sinh và đào tạo năm 2014 đạt 28.269 học sinh - sinh viên, cụ thể:

- Đào tạo sau đại học: 472 chỉ tiêu (trong đó: 29 chỉ tiêu nghiên cứu sinh; 443 chỉ tiêu thạc sỹ).

- Đào tạo đại học: 5.359 chỉ tiêu⁴³.

- Đào tạo cao đẳng: 3.969 chỉ tiêu.

- Đào tạo THCN: 1.769 chỉ tiêu.

- Đào tạo nghề: 18.945 chỉ tiêu⁴⁴.

Quy mô tuyển sinh hệ Trung cấp chuyên nghiệp của ngành Xây dựng trong mấy năm gần đây giảm mạnh, công tác tuyển sinh gặp nhiều khó khăn do có nhiều hình thức đào tạo hấp dẫn hơn và cơ chế mới về thi tuyển liên thông lên bậc đại học đã thắt chặt.

Trong năm 2014, Học viện Cán bộ quản lý xây dựng và đô thị đã mở nhiều lớp đào tạo ngắn hạn bồi dưỡng các kiến thức quản lý hành chính nhà nước và các lớp chính trị cao cấp cho cán bộ công chức thuộc khối cơ quan nhà nước thuộc Bộ; tiếp tục thực hiện đào tạo cán bộ quản lý xây dựng và phát triển đô thị theo Đề án 1961 (năm 2014 đã mở 45 lớp với số lượng 3.200 học viên tại

⁴³ Đã triển khai mở rộng đào tạo học sinh cử tuyển cho 13 tỉnh Tây Nam Bộ, 05 tỉnh Tây Nguyên; mở rộng cơ sở đào tạo tại Cần Thơ, Đà Lạt và sang các nước Lào, Campuchia.

⁴⁴ Đã bao gồm kết quả tuyển sinh của 10 trường chuyển từ doanh nghiệp về Bộ quản lý; gồm các hệ: cao đẳng nghề là 6.279 chỉ tiêu; trung cấp nghề là 6.714 chỉ tiêu (trong đó có 7.125 chỉ tiêu đặt hàng đào tạo nghề); sơ cấp nghề - đào tạo ngắn hạn là 5.952 chỉ tiêu.

31 tỉnh, thành phố, đạt 100% kế hoạch); thực hiện đào tạo cho cán bộ cấp xã theo Đề án 1956 (đã xây dựng Chương trình, biên soạn bài giảng và mở 6 lớp bồi dưỡng với 395 học viên tại các huyện nghèo thuộc Chương trình 130 ở 07 tỉnh, thành phố); đào tạo bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ cho khối doanh nghiệp (17 lớp với số lượng 763 học viên), đào tạo bồi dưỡng đáp ứng điều kiện năng lực hoạt động xây dựng (96 lớp với số lượng 3.007 học viên); tập huấn các văn bản quy phạm pháp luật, quy chuẩn tiêu chuẩn (69 lớp cho 5.470 học viên).

2. Hoạt động của khối đơn vị y tế

Các đơn vị thuộc khối y tế đã từng bước nâng cao trình độ chuyên môn, tăng cường cơ sở vật chất, đáp ứng yêu cầu về chăm sóc sức khỏe cho cán bộ công nhân viên chức ngành Xây dựng và cộng đồng: làm tốt công tác y tế dự phòng, khám chữa bệnh miễn phí cho trẻ em dưới 6 tuổi; tổ chức kiểm tra đánh giá điều kiện lao động, phân loại sức khỏe, khám và phát hiện bệnh nghề nghiệp cho cán bộ công nhân viên chức. Kết quả khám chữa bệnh năm 2014 đều đạt và vượt quy mô. Hiệu suất sử dụng giường bệnh và giường điều dưỡng đạt 100% (2.770 giường bệnh).

Bệnh viện Xây dựng đã chủ động mở các lớp tập huấn về chuyên môn y tế, y học lao động tại các công trình trọng điểm, đồng thời chủ trì việc bổ túc nghiệp vụ quản lý sức khỏe đối với cán bộ y tế cho các đơn vị thuộc Bộ. Các Trung tâm Phục hồi chức năng đã thực hiện việc điều dưỡng cho CBCNV trong Ngành và đã tận dụng cơ sở vật chất đưa vào hoạt động dịch vụ bảo đảm lấy thu bù chi và tăng thêm thu nhập cho cán bộ (cao nhất là 1,5 lần so với lương cơ bản); trích khấu hao cơ bản TSCĐ để tạo nguồn quỹ đầu tư mua sắm và tăng cường cơ sở vật chất của đơn vị.

Thực hiện cơ chế tự chủ theo Nghị định 43/2006/NĐ-CP của Chính phủ, nguồn thu của khối y tế năm 2014 ước đạt 119,8 tỷ đồng (tăng 16% so với năm 2013), bằng 105% so với kế hoạch; trong đó: nguồn thu của Bệnh viện Xây dựng ước đạt 86,2 tỷ đồng (tăng 20% so với năm 2013), bằng 105% kế hoạch năm; Bệnh viện Xây dựng Việt Trì ước đạt 8,5 tỷ đồng (tăng 23% so với năm 2013), bằng 91% kế hoạch năm; các Trung tâm Phục hồi chức năng ước đạt 25,1 tỷ đồng (tăng 3% so với năm 2013), bằng 109% kế hoạch năm.

3. Hoạt động của khối Viện

Các Viện đã tích cực tham gia vào công tác phục vụ quản lý nhà nước của Bộ như: soạn thảo các văn bản quy phạm pháp luật, nghiên cứu dự thảo xây dựng định mức giá quy hoạch xây dựng, ban hành chỉ số giá xây dựng, xây dựng các tiêu chuẩn, quy chuẩn trong các lĩnh vực của Ngành... Thực hiện Nghị định số 115/2005/NĐ-CP, Bộ Xây dựng đã rà soát chức năng, nhiệm vụ, các hoạt động của các đơn vị khoa học để sắp xếp lại và chuẩn bị phương án chuyển đổi hình thức sở hữu.

Thực hiện cơ chế tự chủ theo Nghị định số 115/2005/NĐ-CP, các Viện nghiên cứu đã bước đầu gắn kết hoạt động nghiên cứu với sản xuất kinh doanh,

chủ động đổi mới công tác quản lý kinh phí theo cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm, công khai, thực hiện triệt để tiết kiệm kinh phí hoạt động. Năm 2014, nguồn thu tuy có giảm so với năm 2013⁴⁵ nhưng ngoài việc đóng góp cho ngân sách nhà nước, các đơn vị đã đảm bảo lấy thu bù chi, tăng thu nhập cho cán bộ công nhân viên chức từ 1 - 1,5 lần so với quỹ tiền lương ngạch bậc.

Thực trạng của các đơn vị sự nghiệp khoa học và công nghệ thuộc Bộ trong năm 2014 cho thấy: Hoạt động dịch vụ đã góp phần hỗ trợ tích cực cho việc thực hiện các đề án chuyển đổi của các Viện nghiên cứu theo cơ chế tự chủ tại Nghị định số 115/2005/NĐ-CP ngày 5/9/2005 của Chính phủ; tuy nhiên, hoạt động phần lớn các Viện vẫn phụ thuộc vào ngân sách nhà nước, chưa có kế hoạch cụ thể để triển khai đề án tự chủ, nhất là trong bối cảnh từ năm 2015, ngân sách cho hoạt động khoa học công nghệ được triển khai theo cơ chế đặt hàng. Ngoài ra, hoạt động khoa học và công nghệ của các Viện chưa thể hiện được vai trò dẫn dắt về khoa học và công nghệ, chưa tập trung đầu tư nghiên cứu, chuyển giao công nghệ trong lĩnh vực xây dựng và môi trường, chưa thể hiện vai trò của các Viện chiến lược trong việc nghiên cứu, đề xuất cơ chế, chính sách, chiến lược phát triển ngành.

VIII. CÁC LĨNH VỰC CÔNG TÁC KHÁC

1. Hoạt động khoa học, công nghệ

Tổ chức triển khai “*Chiến lược phát triển khoa học và công nghệ ngành Xây dựng đến năm 2020, tầm nhìn 2030*” trên cơ sở kế hoạch chi tiết của các đơn vị sự nghiệp khoa học công nghệ, đào tạo, các doanh nghiệp, hiệp hội nghề nghiệp ngành Xây dựng.

Phối hợp với các Bộ, ngành, các tổ chức quốc tế và các đơn vị trong ngành tổ chức triển khai Kế hoạch ứng phó với biến đổi khí hậu của ngành Xây dựng; xây dựng Kế hoạch tăng trưởng xanh của ngành Xây dựng. Cùng với sự hỗ trợ của các chuyên gia, tổ chức quốc tế (IFC-WB, USAID, NDF, Đan Mạch,...), Bộ Xây dựng đã thực hiện hàng loạt các hoạt động đào tạo nâng cao năng lực, các dự án trình diễn về công trình tiết kiệm năng lượng, công trình xanh, giảm phát thải khí gây hiệu ứng nhà kính trong công nghiệp sản xuất xi măng,...

Về công tác tiêu chuẩn hoá ngành Xây dựng: đã hoàn thành quy hoạch hệ thống các quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật ngành Xây dựng, bao gồm các lĩnh vực kiến trúc, quy hoạch, hạ tầng kỹ thuật, nhà ở và công trình công cộng, vật liệu sản phẩm hàng hoá vật liệu xây dựng, khảo sát, địa kỹ thuật, kết cấu và công nghệ xây dựng, làm cơ sở cho việc xây dựng mới, soát xét các quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật đến năm 2030. Trong năm 2014, Bộ Xây dựng đã ban hành các Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về An toàn trong thi công xây dựng (QCVN 18:2014/BXD), soát xét và ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Sản phẩm

⁴⁵ Năm 2014: nguồn thu của Viện Khoa học công nghệ Xây dựng: 310 tỷ đồng, đạt 101% kế hoạch; Viện Vật liệu Xây dựng: 70 tỷ đồng, đạt 70% kế hoạch; Viện Kinh tế Xây dựng: 20,2 tỷ đồng, đạt 100% kế hoạch; Viện Kiến trúc Quốc gia: 15,9 tỷ đồng, đạt 76% kế hoạch (do thành lập mới năm 2014; Viện Quy hoạch đô thị và nông thôn Quốc gia: 181,5 tỷ đồng, đạt 100% kế hoạch.

hàng hoá, vật liệu xây dựng (QCVN 16:2014/BXD), làm cơ sở cho công tác đánh giá hợp quy và quản lý chất lượng sản phẩm hàng hoá vật liệu xây dựng nhập khẩu, sản xuất và lưu thông trên thị trường; Tiếp tục hoàn thiện, trình thẩm định và ban hành các quy chuẩn về Quy hoạch xây dựng, Các công trình hạ tầng kỹ thuật, Công trình xây dựng đảm bảo người tàn tật tiếp cận sử dụng, Nhà ở và công trình công cộng, Hệ thống cấp điện trong nhà và công trình dân dụng, Sử dụng kính trong công trình xây dựng, Giàn giáo và cốp pha trong xây dựng...; Tổ chức hoàn thiện, trình Bộ Khoa học và Công nghệ thẩm định, công bố hơn 60 tiêu chuẩn quốc gia thuộc lĩnh vực xây dựng.

2. Công tác thanh tra xây dựng

Đã trình Chính phủ 02 Nghị định: Nghị định sửa đổi Điều 13 và Điều 70 của Nghị định 121/2013/NĐ-CP ngày 10/10/2013, Nghị định về xử lý vi phạm trật tự xây dựng (thay thế Nghị định 180/2007/NĐ-CP); ban hành theo thẩm quyền Thông tư số 02/2014/TT-BXD hướng dẫn thi hành Nghị định 121/2013/NĐ-CP nêu trên và Thông tư liên tịch số 06/2014/TTLT-BXD-BNV hướng dẫn về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Thanh tra Sở Xây dựng.

Trong công tác thanh tra: cơ bản đã hoàn thành kế hoạch thanh tra, kiểm tra đã đề ra trong năm; ngoài ra còn triển khai một số đoàn thanh tra, kiểm tra đột xuất theo đơn thư và phản ánh của báo chí,... Qua thanh tra, các vi phạm đã được phát hiện, chấn chỉnh kịp thời; kết quả thanh tra đảm bảo chính xác, trung thực, đúng pháp luật và có hiệu lực thi hành; không có phát sinh khiếu nại về kết luận thanh tra, kiểm tra. Trong năm, Thanh tra Bộ đã triển khai 69 đoàn thanh tra (65 đoàn thanh tra chuyên ngành, 04 đoàn thanh tra hành chính). Qua công tác thanh tra, đã kiến nghị xử lý về kinh tế là 1.519 tỷ đồng, xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động xây dựng là 1,495 tỷ đồng⁴⁶.

Trong công tác giải quyết khiếu nại, tố cáo: đã thực hiện tốt công tác tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo của công dân; đặc biệt tích cực giải quyết các khiếu kiện về nhà đất còn tồn đọng từ năm trước chuyển sang. Năm 2014, Thanh tra Bộ đã tiếp 447 lượt công dân; tiếp nhận 839 lượt đơn thư (giải quyết dứt điểm 261 vụ việc); đã tổ chức các đoàn xác minh đơn thư, giải quyết khiếu nại về nhà đất tại TP. HCM, Bà Rịa-Vũng Tàu, Đà Nẵng, Huế,...

Trong công tác phòng, chống tham nhũng: Đã triển khai tích cực công tác tuyên truyền, phổ biến các chính sách pháp luật về phòng, chống tham nhũng, thực hiện việc tiết kiệm gắn với những biện pháp phòng, ngừa tham nhũng; đã thành lập 04 đoàn kiểm tra việc chấp hành pháp luật về phòng, chống tham nhũng; thực hiện phổ biến pháp luật về phòng, chống tham nhũng tại các đơn vị thuộc Bộ.

⁴⁶ Các vi phạm chủ yếu được phát hiện và chấn chỉnh kịp thời qua công tác thanh tra: (1) *Về vật liệu xây dựng:* không lập bản đồ hiện trạng, không thực hiện theo đúng kế hoạch khai thác hàng năm; không có đề án cải tạo và phục hồi môi trường sau khai thác;...; (2) *Về quản lý đầu tư xây dựng:* sai phạm trong quản lý quy hoạch, cấp phép xây dựng, thi công công trình;... công tác thiết kế, lập dự toán xây dựng công trình chưa phù hợp, nghiệm thu thanh quyết toán thừa khối lượng,...

3. Hoạt động hợp tác quốc tế

Đẩy mạnh hợp tác song phương, đa phương; đã thực hiện tốt vai trò tham mưu và điều phối tại 03 UBLCP do Bộ trưởng làm Chủ tịch phân ban trong UBLCP Việt Nam với các nước Cuba, Angieri và Libi; Phối hợp tổ chức thành công kỳ họp thứ 10 UBLCP Việt Nam - Angieri, kỳ họp lần thứ 32 UBLCP Việt Nam – Cuba; được Thủ tướng Chính phủ ủy quyền ký Bản ghi nhớ hợp tác với ADETEF (Pháp) trong lĩnh vực phát triển đô thị bền vững, Bản ghi nhớ với cơ quan Công nghệ và Tiêu chuẩn Hàn Quốc (KATS) về hợp tác tiêu chuẩn trong lĩnh vực xây dựng và vật liệu xây dựng,...

Đã chủ động, tích cực xúc tiến và vận động tài trợ nguồn vốn ODA và tìm kiếm các nguồn vốn vay ưu đãi khác; trong năm, Bộ đã tiếp và làm việc với 190 đoàn khách quốc tế đến tìm hiểu cơ chế, chính sách và cơ hội hợp tác kinh doanh, chia sẻ kinh nghiệm trong các lĩnh vực của ngành. Tiến hành đánh giá tình hình hợp tác song phương với 39 nước và đề xuất các nội dung hợp tác mới trong nâng cao năng lực, xuất khẩu vật liệu xây dựng,...

Trong năm 2014, đã vận động tài trợ thành công cho các chương trình, dự án ODA cho các lĩnh vực ưu tiên: Dự án Quy hoạch xây dựng đô thị thích ứng với biến đổi khí hậu ở Việt Nam thông qua sử dụng đánh giá môi trường chiến lược (Quỹ Phát triển Bắc Âu tài trợ), Dự án Tăng cường năng lực và hỗ trợ xây dựng kế hoạch hành động giảm phát thải khí nhà kính trong lĩnh vực sản xuất xi măng (Quỹ Phát triển Bắc Âu và ADB đồng tài trợ), Dự án Xây dựng các đô thị tiên tiến thông qua các nhà quản lý đô thị giỏi (WB tài trợ), Dự án thí điểm mô hình nhà ở thích hợp với biến đổi khí hậu (KOICA tài trợ),...

Đã chủ động đề xuất và tham gia hiệu quả vào các hoạt động hội nhập theo chỉ đạo của Chính phủ, đặc biệt là công tác hậu gia nhập WTO, hợp tác trong khối ASEAN và với các đối tác ngoài khối. Hoạt động đối ngoại đã hỗ trợ tích cực trong việc hoàn thành các nhiệm vụ chính trị và mục tiêu của ngành Xây dựng.

4. Quản lý các dự án đầu tư sử dụng vốn ngân sách nhà nước, dự án ODA

Đối với các dự án đầu tư sử dụng vốn ngân sách nhà nước:

Năm 2014, Bộ Xây dựng được giao quản lý 2.007,1 tỷ đồng thuộc nguồn vốn NSNN, 32 tỷ đồng vốn trái phiếu Chính phủ và 30 tỷ đồng vốn nước ngoài. Số vốn này được phân bổ cho 29 dự án.

Nhìn chung, hầu hết các dự án đều được triển khai theo đúng tiến độ, đảm bảo chất lượng; giải ngân đạt 100% kế hoạch vốn được giao.

Dự án ĐTXD công trình Nhà Quốc hội do Bộ Xây dựng làm chủ đầu tư sau một thời gian tập trung thi công đến nay đã cơ bản hoàn thành mục tiêu đề ra, đảm bảo chất lượng, phục vụ tốt kỳ họp thứ 8 Quốc hội khóa 13 vừa qua. Bộ Xây dựng đang chỉ đạo các nhà thầu tập trung hoàn thiện nốt những khâu cuối cùng thuộc Hạng mục Nhà Quốc hội để bàn giao cho Văn phòng Quốc hội trước tết Ất Mùi 2015. Hạng mục gara ngầm sẽ hoàn thành vào cuối năm 2015 theo

chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ.

Trong năm 2014, Dự án ĐTXD Đại học Quốc gia Hà Nội tại Hòa Lạc đã hoàn thành một khối lượng công việc lớn, lần đầu tiên hoàn thành vượt mức kế hoạch vốn được giao. Đã hoàn thành việc lập, thẩm định và phê duyệt các dự án thành phần: Tái định cư, Hạ tầng chung, Trường ĐH khoa học tự nhiên, Trung tâm Giáo dục Quốc phòng,... hoàn thành, bàn giao các hạng mục công trình thuộc khu ký túc xá số 4, Nhà công vụ số 1 cho Đại học Quốc gia Hà Nội quản lý, sử dụng. Một số hạng mục công trình cơ bản hoàn thành (tuyến đường số 11, tuyến số 3). Một số hạng mục chuẩn bị thi công (tuyến số 01, 04, 05). Dự án đã được Thủ tướng Chính phủ chấp thuận bố trí thêm vốn trong kế hoạch năm 2015-2016 từ nguồn vốn vay của WB để đầu tư.

Đối với các dự án ODA:

Trong năm 2014, Bộ Xây dựng trực tiếp quản lý thực hiện 14 dự án hỗ trợ kỹ thuật với tổng vốn tài trợ là 29,8 triệu USD, tập trung vào các lĩnh vực tăng cường năng lực và hoàn thiện thể chế thuộc các lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng; đã vận động được 01 dự án đầu tư cơ sở vật chất giáo dục đào tạo với tổng vốn tài trợ 20 triệu EUR (Trường Cao đẳng nghề Lilama2); đang điều phối thực hiện 04 dự án do ADB và WB tài trợ với tổng mức vốn đầu tư là 1.004 triệu USD gồm: *Dự án phát triển đô thị vừa và nhỏ miền Trung (66,72 triệu USD), dự án nâng cấp đô thị vùng đồng bằng sông Cửu Long (399,14 triệu USD), Chương trình phát triển đô thị miền núi phía Bắc (301,856 triệu USD), Dự án cấp nước và nước thải đô thị (236,2 triệu USD).*

IX. MỘT SỐ MẶT HẠN CHẾ VÀ NGUYÊN NHÂN

1. Những mặt hạn chế

- Chất lượng một số công trình xây dựng còn thấp; tình trạng thất thoát, lãng phí, chậm tiến độ thi công, nợ đọng trong xây dựng cơ bản vẫn còn là vấn đề gây nhiều bức xúc; việc rà soát, sửa đổi, bổ sung một số định mức kinh tế - kỹ thuật trong lĩnh vực xây dựng còn chậm, chưa đáp ứng với yêu cầu thực tiễn.

- Việc rà soát, điều chỉnh, bổ sung một số đồ án quy hoạch xây dựng vùng, quy hoạch chung đô thị, quy hoạch hạ tầng kỹ thuật còn chậm; tỷ lệ phủ kín quy hoạch xây dựng tại một số đô thị chưa cao; công tác lập và quản lý thực hiện quy chế quản lý quy hoạch, kiến trúc đô thị và thiết kế đô thị ở một số nơi còn chậm, ảnh hưởng đến công tác quản lý trật tự xây dựng đô thị.

- Công tác quản lý, kiểm soát phát triển đô thị theo quy định tại Nghị định số 11/2013/NĐ-CP ở một số nơi còn thiếu quyết liệt; việc đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng xã hội tại một số dự án khu đô thị còn chậm và thiếu đồng bộ; công tác quản lý chất thải rắn sinh hoạt đô thị còn nhiều bất cập, việc lựa chọn công nghệ phù hợp với điều kiện của Việt Nam còn khó khăn.

- Công tác phát triển nhà ở xã hội tại một số địa phương chưa thực sự được quan tâm đúng mức, chưa thu hút được nhiều doanh nghiệp tham gia đầu tư; nguồn cung nhà ở xã hội còn thiếu nhiều so với nhu cầu thực tế, nhất là nhà ở

cho công nhân các khu công nghiệp; chất lượng dịch vụ, công tác quản lý sử dụng chung cư ở một số dự án nhà ở tái định cư còn nhiều bất cập.

- Thị trường bất động sản tuy đã có chuyển biến tích cực nhưng vẫn còn khó khăn; tồn kho bất động sản đã giảm nhiều nhưng vẫn còn rất lớn, nhất là các sản phẩm ở phân khúc trung và cao cấp.

- Công tác cải cách TTHC trong đầu tư xây dựng tuy đã đạt được nhiều kết quả tích cực nhưng vẫn còn hạn chế, tình trạng dự án đầu tư xây dựng bị kéo dài thời gian thực hiện TTHC so với quy định còn khá phổ biến, làm ảnh hưởng đến tiến độ thực hiện và hiệu quả của dự án đầu tư.

- Các doanh nghiệp thuộc Bộ nhìn chung vẫn còn rất khó khăn; tiến trình thực hiện tái cơ cấu doanh nghiệp còn chậm, nhất là việc thoái vốn đầu tư ngoài ngành nghề kinh doanh chủ yếu do vướng mắc các quy định về bảo toàn vốn nhà nước; việc thu xếp vốn cho một số dự án đầu tư quy mô lớn còn khó khăn.

2. Nguyên nhân

- Việc triển khai xây dựng chiến lược, quy hoạch, kế hoạch của từng lĩnh vực chưa đáp ứng yêu cầu cả về tiến độ và chất lượng. Các chiến lược, quy hoạch chưa được kết nối chặt chẽ, chưa được cụ thể hóa bằng các kế hoạch triển khai hợp lý, dựa trên sự cân đối vững chắc với các nguồn lực thực hiện; thiếu cơ chế, chính sách khuyến khích huy động các nguồn lực cho đầu tư phát triển hạ tầng đô thị, phát triển nhà ở xã hội,...

- Việc phân cấp chưa đồng bộ với việc tổ chức bộ máy, xây dựng đội ngũ công chức. Chất lượng của đội ngũ cán bộ quản lý còn bất cập so với yêu cầu, lực lượng cán bộ chuyên trách về xây dựng ở các cấp còn mỏng. Năng lực của các chủ thể tham gia quản lý đầu tư xây dựng còn một số hạn chế, trong đó năng lực của chủ đầu tư và ban quản lý dự án sử dụng vốn nhà nước chưa đáp ứng yêu cầu.

- Chưa coi trọng vai trò của các cơ quan chuyên môn về xây dựng trong thực hiện chức năng quản lý nhà nước đối với các dự án đầu tư xây dựng, đặc biệt đối với dự án sử dụng vốn nhà nước.

- Công tác quản trị doanh nghiệp của một số doanh nghiệp còn hạn chế. Cơ cấu lao động còn mất cân đối, tỷ lệ công nhân có tay nghề cao còn thấp so với doanh nghiệp của các nước trong khu vực và trên thế giới.

B. MỤC TIÊU, NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM NĂM 2015

I. MỤC TIÊU

Mục tiêu chủ yếu đặt ra cho năm 2015 của ngành Xây dựng là: *“Tiếp tục hoàn thiện hệ thống thể chế, đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính, tạo điều kiện thuận lợi để phát triển sản xuất kinh doanh, đầu tư phát triển; nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước các lĩnh vực thuộc ngành Xây dựng; đổi mới và nâng cao chất lượng công tác quy hoạch; tăng cường quản lý đầu tư xây dựng, bảo đảm nâng cao chất lượng công trình và hiệu quả sử dụng vốn đầu tư;*

kiểm soát phát triển đô thị theo quy hoạch và kế hoạch, đảm bảo đồng bộ, bền vững; thực hiện có hiệu quả Chiến lược phát triển nhà ở quốc gia, trọng tâm là nhà ở xã hội; tiếp tục thực hiện đồng bộ các giải pháp tháo gỡ khó khăn cho thị trường bất động sản, tạo điều kiện cho thị trường phát triển ổn định, lành mạnh; thực hiện tái cơ cấu ngành Xây dựng, đẩy mạnh cổ phần hóa, nâng cao hiệu quả hoạt động của các doanh nghiệp ngành Xây dựng, phấn đấu đạt mức tăng trưởng cao hơn năm 2014”.

Một số chỉ tiêu của Ngành phấn đấu đạt được trong năm 2015 như sau:

- Phủ kín quy hoạch vùng tỉnh tại tất cả các địa phương trong cả nước; 100% các đô thị có quy hoạch chung xây dựng được phê duyệt;
- Tỷ lệ phủ kín quy hoạch chi tiết 1/2000, quy hoạch phân khu so với diện tích đất xây dựng đô thị trung bình đạt: 72-75%; quy hoạch chi tiết 1/500: đạt khoảng 35% so với diện tích đất xây dựng đô thị;
- Tỷ lệ xã hoàn thành phê duyệt quy hoạch chung: 100%;
- Tỷ lệ đô thị hóa: đạt khoảng 35,5%;
- Diện tích bình quân nhà ở toàn quốc: đạt khoảng 21,5m² sàn/người;
- Tỷ lệ dân số đô thị được cung cấp nước sạch qua hệ thống cấp nước tập trung: 80,5 - 81%;
- Tỷ lệ thất thoát thất thu nước: giảm xuống còn 25%;
- Thu gom và xử lý chất thải rắn sinh hoạt đô thị: đạt 84,5 - 85%;
- Sản lượng xi măng tiêu thụ: đạt khoảng 70-72 triệu tấn;
- Giá trị sản xuất xây dựng toàn ngành (theo giá hiện hành): tăng 10% so với năm 2014.

II. CÁC NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP CHỦ YẾU

1. Tiếp tục hoàn thiện thể chế, nâng cao chất lượng ban hành các văn bản pháp luật trong các lĩnh vực quản lý nhà nước của Ngành, trong đó:

- Tập trung soạn thảo các văn bản quy phạm pháp luật, đề án trong chương trình công tác năm 2015 của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ theo đúng tiến độ được giao⁴⁷; ban hành kịp thời các Thông tư hướng dẫn thi hành các Nghị định sau khi được Chính phủ ban hành.

- Tiếp tục hoàn thiện các văn bản quy phạm pháp luật, đề án đã trình Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ.

- Tiếp tục rà soát, sửa đổi bổ sung, hoàn chỉnh hệ thống các Quy chuẩn, Tiêu

⁴⁷ Hoàn thành, trình Chính phủ dự thảo các Nghị định hướng dẫn Luật Nhà ở (sửa đổi) và Luật Kinh doanh bất động sản (sửa đổi), Nghị định thay thế Nghị định số 124/2007/NĐ-CP về quản lý vật liệu xây dựng; Nghị định thay thế Nghị định số 121/2013/NĐ-CP của Chính phủ quy định xử phạt hành chính trong hoạt động xây dựng, kinh doanh bất động sản, khai thác, sản xuất kinh doanh VLXD, quản lý công trình HTKT, quản lý phát triển nhà và công sở; Nghị định thay thế Nghị định số 42/2009/NĐ-CP về phân loại đô thị; Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định số 35/2008/NĐ-CP về xây dựng, quản lý và sử dụng nghĩa trang.

chuẩn trong các lĩnh vực quản lý nhà nước của Ngành.

2. Tăng cường kiểm tra, giám sát công tác quản lý đầu tư xây dựng, nhằm hạn chế thất thoát, lãng phí, nâng cao chất lượng công trình và hiệu quả sử dụng vốn đầu tư; tiếp tục rà soát, sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện hệ thống định mức kinh tế, kỹ thuật:

- Tăng cường công tác kiểm tra, kiểm soát chất lượng công trình xây dựng, đặc biệt là đối với các công trình, dự án sử dụng vốn nhà nước; kiểm tra sự tuân thủ các quy định về quản lý chất lượng công trình của các chủ thể trong các khâu khảo sát, thiết kế, thi công, nghiệm thu, bảo hành và bảo trì công trình.

- Triển khai tập huấn, phổ biến các văn bản hướng dẫn Luật Xây dựng.

- Sắp xếp, kiện toàn bộ máy, nâng cao năng lực của các cơ quan chuyên môn về xây dựng đáp ứng yêu cầu công tác thẩm định dự án, thiết kế, dự toán các công trình xây dựng đảm bảo chất lượng, thời gian theo quy định của Luật Xây dựng.

- Kiện toàn các ban quản lý dự án chuyên ngành, khu vực nhằm chuyên nghiệp hóa đội ngũ này để giao làm chủ đầu tư và tổ chức quản lý các dự án sử dụng vốn nhà nước đạt hiệu quả.

- Tiếp tục hoàn thiện hệ thống các quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật quốc gia về xây dựng theo hướng đồng bộ, hài hòa với hệ thống tiêu chuẩn quốc tế, phù hợp với xu hướng phát triển công nghệ hiện nay đồng thời đáp ứng yêu cầu thực tiễn quản lý.

- Tiếp tục triển khai rà soát, điều chỉnh, sửa đổi các chỉ tiêu, định mức kinh tế - kỹ thuật đã công bố cho phù hợp với các công nghệ, biện pháp và điều kiện thi công; xây dựng định mức đặc thù; rà soát, sửa đổi, bổ sung định mức chi phí lập chương trình phát triển đô thị, định mức chi phí quản lý dự án và tư vấn đầu tư xây dựng công trình; hoàn thành cơ bản việc rà soát, điều chỉnh, bổ sung hệ thống định mức kinh tế kỹ thuật phục vụ cho công tác quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình.

- Triển khai đề án hợp tác giữa Bộ Xây dựng Việt Nam và Bộ Đất đai, cơ sở hạ tầng, giao thông và du lịch Nhật Bản về “*Nâng cao năng lực quản lý chi phí, hợp đồng, chất lượng và an toàn trong xây dựng*”.

- Tiếp tục chỉ đạo đẩy nhanh tiến độ triển khai xây dựng các công trình trọng điểm Quốc gia, đặc biệt công trình Đại học Quốc gia Hà Nội tại Hoà Lạc; đẩy nhanh tiến độ thi công và giải ngân đối với các công trình, dự án quan trọng, cấp bách, hoàn thành trong năm 2015; thường xuyên kiểm tra tình hình thực hiện kế hoạch của các chủ đầu tư; tập trung quyết toán vốn đầu tư đối với các công trình, dự án hoàn thành.

3. Tiếp tục đổi mới, nâng cao chất lượng công tác quy hoạch; hoàn thành công tác quy hoạch xây dựng nông thôn mới:

- Tập trung nâng cao năng lực tư vấn lập quy hoạch trong nước; đẩy nhanh tiến độ lập, thẩm định, trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt các đề án quy

hoạch xây dựng, quy hoạch chuyên ngành hạ tầng kỹ thuật quan trọng theo phân cấp; tập trung hoàn thành đề án điều chỉnh Quy hoạch xây dựng vùng Thủ đô Hà Nội, vùng Tp.Hồ Chí Minh, vùng đồng bằng sông Cửu Long và thiết kế đô thị mẫu cho một số đô thị; thực hiện rà soát đánh giá thực trạng công tác quy hoạch xây dựng, quản lý đầu tư xây dựng khu vực ven biển.

- Tập trung cho công tác quy hoạch xây dựng nông thôn mới, phấn đấu tỷ lệ xã hoàn thành phê duyệt quy hoạch chung đạt 100%; nghiên cứu Đề án xây dựng nông thôn mới trong quá trình đô thị hóa trên địa bàn cấp huyện.

- Tiếp tục hướng dẫn, chỉ đạo các địa phương tổ chức lập, điều chỉnh quy hoạch xây dựng vùng tỉnh, quy hoạch chung xây dựng các đô thị, quy hoạch chuyên ngành hạ tầng kỹ thuật trên địa bàn; triển khai các quy hoạch phân khu theo quy định của Luật Quy hoạch đô thị.

- Tổ chức triển khai hoặc hướng dẫn, giám sát triển khai thực hiện các quy hoạch xây dựng vùng, quy hoạch chuyên ngành hạ tầng kỹ thuật vùng liên tỉnh, vùng lưu vực sông (quy hoạch thoát nước và xử lý nước thải, quản lý chất thải rắn) đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.

- Nghiên cứu các giải pháp nhằm đáp ứng nhu cầu vốn cho công tác lập quy hoạch xây dựng, quy hoạch đô thị.

Đối với các địa phương: Tập trung rà soát, điều chỉnh, bổ sung các quy hoạch đô thị, đẩy nhanh tốc độ phê duyệt quy hoạch xây dựng trên địa bàn, đặc biệt là tại các đô thị trung tâm, đô thị tạo động lực tăng trưởng, các khu vực phát huy tiềm năng, lợi thế về phát triển kinh tế - xã hội (các khu du lịch, khu kinh tế cửa khẩu, kinh tế biển,...); huy động, bố trí đủ nguồn kinh phí cho công tác lập quy hoạch, đảm bảo kịp thời, để quy hoạch thực sự đi trước một bước, làm cơ sở cho kế hoạch hóa đầu tư và quản lý các dự án đầu tư xây dựng. Tập trung hoàn thành quy hoạch phân khu, quy hoạch chi tiết, thiết kế đô thị, quy chế quản lý quy hoạch, kiến trúc đô thị làm cơ sở cho việc cấp giấy phép xây dựng. Tăng cường quản lý xây dựng theo quy hoạch, từ việc công bố, công khai quy hoạch, cắm mốc giới, cung cấp thông tin, cho đến thanh tra, kiểm tra, kiểm soát thực hiện xây dựng theo quy hoạch.

4. Phát triển đô thị theo hướng đồng bộ về hạ tầng kỹ thuật đô thị và hạ tầng xã hội; tăng cường quản lý và kiểm soát chặt chẽ các dự án phát triển đô thị theo quy hoạch, kế hoạch:

- Tập trung nghiên cứu, xây dựng Đề án Chiến lược phát triển đô thị quốc gia đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030; hoàn thành Đề án Định hướng phát triển hệ thống dịch vụ đô thị đến năm 2020; rà soát các cơ chế, chính sách áp dụng cho các loại hình đô thị theo các mô hình phát triển thích hợp; nghiên cứu, sửa đổi, bổ sung định hướng phát triển thoát nước đô thị và khu công nghiệp Việt Nam đến năm 2025 tầm nhìn 2050; tổ chức thực hiện Đề án huy động các nguồn lực đầu tư xây dựng hệ thống cấp, thoát nước và xử lý chất thải rắn sinh hoạt đô thị.

- Tiếp tục triển khai thực hiện quản lý đầu tư phát triển đô thị theo Nghị định số 11/2013/NĐ-CP và các Thông tư hướng dẫn. Tiếp tục thực hiện triển khai công tác thẩm định, nâng loại đô thị; nghiên cứu sửa đổi thay thế Nghị định 42/2009/NĐ-CP về phân loại đô thị theo hướng đổi mới, không khuyến khích mở rộng đô thị, tập trung nâng cao chất lượng đô thị phù hợp điều kiện đặc trưng của vùng, miền để phát triển bền vững.

- Tiếp tục triển khai các chương trình, đề án về: Định hướng quy hoạch tổng thể phát triển đô thị Việt Nam, Chương trình nâng cấp đô thị quốc gia, Chương trình phát triển đô thị quốc gia, Đề án Phát triển các đô thị Việt Nam ứng phó với biến đổi khí hậu, Chương trình chống thất thoát nước sạch. Đẩy nhanh triển khai việc thực hiện bảo đảm cấp nước an toàn.

- Tổ chức triển khai công tác xúc tiến đầu tư tìm các nguồn vốn, đặc biệt là nguồn vốn ODA cho lĩnh vực hạ tầng kỹ thuật; đẩy mạnh xã hội hóa, huy động tối đa các nguồn lực để đầu tư phát triển các lĩnh vực, sản phẩm chủ yếu của ngành Xây dựng, đặc biệt thúc đẩy thực hiện hình thức hợp tác công tư PPP vào các lĩnh vực cấp nước, thoát nước, xử lý chất thải rắn,...; nâng cao chất lượng phục vụ của hạ tầng kỹ thuật đô thị.

- Tiếp tục rà soát và nghiên cứu, sửa đổi các quy định về giá tiêu thụ nước theo hướng tiệm cận với giá thị trường đảm bảo nhà đầu tư thu hồi chi phí; nghiên cứu hoàn thiện về giá dịch vụ thoát nước, giá dịch vụ xử lý chất thải rắn sinh hoạt đô thị.

- Tiếp tục đào tạo bồi dưỡng nâng cao năng lực quản lý xây dựng và phát triển đô thị đối với công chức lãnh đạo, chuyên môn đô thị các cấp theo Quyết định số 1961/QĐ-TTg ngày 25/10/2010 phê duyệt Đề án “*Đào tạo, bồi dưỡng nâng cao năng lực quản lý xây dựng và phát triển đô thị đối với công chức lãnh đạo, chuyên môn đô thị các cấp giai đoạn 2010-2015*”.

Đối với các địa phương: Sớm phê duyệt các khu vực phát triển đô thị và kế hoạch triển khai khu vực phát triển đô thị; thành lập các Ban quản lý khu vực phát triển đô thị để kiểm soát chặt chẽ việc đầu tư phát triển đô thị theo quy hoạch và kế hoạch, đảm bảo đồng bộ về hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng xã hội.

Tập trung xây dựng Chương trình phát triển đô thị của tỉnh, xác định lộ trình nâng cấp, nâng loại đô thị phù hợp với yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội và khả năng huy động nguồn lực của địa phương. Việc xây dựng đề án và tổ chức đánh giá, nâng loại đô thị cần chú trọng vào việc nâng cao chất lượng đô thị, không quá chú trọng vào việc mở rộng quy mô.

Triển khai hiệu quả, đảm bảo tiến độ Chương trình Nâng cấp đô thị vùng đồng bằng sông Cửu Long (giai đoạn 1) và Chương trình đô thị miền núi phía Bắc, vốn vay Ngân hàng Thế giới.

Thực hiện các nội dung nhiệm vụ được Thủ tướng Chính phủ giao cho các địa phương tại Quyết định số 2623/QĐ-TTg ngày 31/12/2013 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án phát triển đô thị Việt Nam ứng phó với Biến đổi khí

hậu; có báo cáo kết quả về giai đoạn I gửi Bộ Xây dựng để tổng hợp báo cáo Thủ tướng Chính phủ.

Tích cực huy động các nguồn lực đầu tư phát triển hệ thống hạ tầng kỹ thuật đô thị đồng bộ (cấp nước, thoát nước, xử lý chất thải rắn,...). Tăng cường công tác giám sát, kiểm tra chất lượng nước sạch, đảm bảo cấp nước an toàn, đúng quy chuẩn quy định.

5. Thực hiện các giải pháp thúc đẩy thị trường bất động sản phát triển theo hướng ổn định, bền vững; tập trung thực hiện các Chương trình phát triển nhà ở, đẩy mạnh phát triển nhà ở xã hội:

- Tiếp tục nghiên cứu, đề xuất các giải pháp thúc đẩy thị trường bất động sản phát triển theo hướng ổn định, bền vững; thực hiện đồng bộ các giải pháp tháo gỡ khó khăn cho thị trường bất động sản gắn với Chiến lược phát triển nhà ở Quốc gia.

- Tổ chức thực hiện tốt Chương trình hỗ trợ nhà ở cho người có công với cách mạng, Chương trình hỗ trợ hộ nghèo xây dựng nhà ở phòng tránh bão, lụt khu vực miền Trung.

- Thực hiện Đề án tiếp tục hỗ trợ nhà ở đối với hộ nghèo theo chuẩn hộ nghèo áp dụng cho giai đoạn 2011-2015 sau khi được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt (*Chương trình 167 giai đoạn 2*). Tiếp tục kiểm tra, kiểm soát các dự án nhà ở sinh viên từ nguồn vốn trái phiếu Chính phủ, dự án nhà ở công nhân và người thu nhập thấp tại đô thị.

- Đôn đốc, hướng dẫn các Bộ, ngành, địa phương triển khai thực hiện Chính sách quản lý và phát triển nhà ở xã hội, Chính sách quản lý và sử dụng nhà ở thuộc sở hữu Nhà nước, Chính sách quản lý và phát triển nhà ở tái định cư, Chính sách quản lý, bố trí cho thuê nhà ở công vụ của Chính phủ.

Đối với các địa phương: tiếp tục soát các dự án phát triển nhà ở, bất động sản trên địa bàn để phân loại các dự án cần tạm dừng, các dự án cần điều chỉnh cho phù hợp với nhu cầu thị trường, các dự án được tiếp tục triển khai theo yêu cầu của Chỉ thị số 2196/CT-TTg của Thủ tướng Chính phủ.

Tiếp tục đẩy mạnh việc phát triển nhà ở xã hội, tạo điều kiện rút ngắn thủ tục lập, thẩm định, phê duyệt dự án phát triển nhà ở xã hội, kể cả các dự án nhà ở thương mại chuyển đổi sang nhà ở xã hội và dự án điều chỉnh cơ cấu căn hộ thương mại để đáp ứng nguồn cung về nhà ở xã hội và nhà ở thương mại có quy mô nhỏ cho cán bộ, công chức, viên chức, lực lượng vũ trang, công nhân, người lao động có thu nhập thấp, khó khăn về nhà ở mua, thuê và thuê mua, đủ điều kiện để được vay từ gói tín dụng hỗ trợ nhà ở 30.000 tỷ đồng.

Tập trung hoàn thành và tổng kết Chương trình xây dựng cụm, tuyến dân cư và nhà ở vùng ngập lũ đồng bằng sông Cửu Long (giai đoạn 2).

6. Tổ chức thực hiện có hiệu quả các đề án, quy hoạch, chương trình phát triển vật liệu xây dựng, đáp ứng nhu cầu thị trường; tăng cường kiểm tra, thực hiện cân đối cung, cầu bình ổn thị trường VLXD:

- Tiếp tục kiểm tra việc thực hiện Quy hoạch xi măng, quy hoạch khoáng sản làm nguyên liệu xi măng, khoáng sản làm vật liệu xây dựng; kiểm tra các dự án xi măng dự kiến vận hành năm 2015 và các dự án xi măng dự kiến đầu tư trong giai đoạn 2016-2020.

- Tiếp tục kiểm tra việc thực hiện Quyết định số 567/QĐ-TTg ngày 28/4/2010 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt chương trình phát triển vật liệu xây không nung đến năm 2020.

- Chỉ đạo, đôn đốc Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương tổ chức nghiên cứu, lập và phê duyệt Quy hoạch phát triển vật liệu xây dựng của địa phương đến năm 2020 tầm nhìn đến năm 2030.

Đối với các địa phương: tăng cường công tác quản lý, có chính sách cụ thể nhằm tăng cường sử dụng VLXKN, khuyến khích và tạo điều kiện cho các doanh nghiệp đầu tư sản xuất VLXKN, định hướng cho các doanh nghiệp sản xuất VLXKN trên địa bàn áp dụng công nghệ mới vào sản xuất, tạo ra sản phẩm đạt tiêu chuẩn chất lượng; hạn chế sản xuất và sử dụng gạch đất sét nung.

Xây dựng và công bố giá các sản phẩm VLXKN trong công bố giá vật liệu xây dựng hàng tháng của địa phương. Các địa phương chưa xây dựng Kế hoạch tăng cường sử dụng VLXKN và Lộ trình giảm dần việc sản xuất, sử dụng gạch đất sét nung và chấm dứt sản xuất gạch đất sét nung bằng lò thủ công, lò thủ công cải tiến, lò đứng liên tục, lò vòng sử dụng nhiên liệu hoá thạch, cần khẩn trương xây dựng, ban hành và báo cáo Bộ Xây dựng.

7. Đẩy mạnh cải cách hành chính, trọng tâm là cải cách các thủ tục hành chính:

- Tiếp tục thực hiện kiểm soát thủ tục hành chính; rà soát, tháo gỡ các khó khăn vướng mắc, đơn giản hóa các thủ tục hành chính trong các lĩnh vực của Ngành; rà soát, đơn giản hóa và công khai thủ tục hành chính theo quy định của Chính phủ đặc biệt là thủ tục hành chính liên quan đến dự án đầu tư xây dựng, cấp phép xây dựng.

- Kiện toàn, nâng cao năng lực và hiệu quả hoạt động của các cơ quan chuyên môn về xây dựng các cấp, đáp ứng các yêu cầu tăng cường quản lý hoạt động đầu tư xây dựng.

- Tiếp tục kiện toàn tổ chức bộ máy của các cơ quan, đơn vị trực thuộc Bộ theo quy định tại Nghị định số 62/2013/NĐ-CP ngày 25/6/2013 của Chính phủ và Quyết định số 555/QĐ-TTg ngày 18/4/2014 của Thủ tướng Chính phủ.

- Đẩy mạnh cải cách chế độ công vụ, công chức theo Quyết định số 1557/QĐ-TTg ngày 18/10/2012. Triển khai Đề án xác định vị trí việc làm đối với cán bộ, công chức, viên chức khối cơ quan hành chính và các đơn vị sự nghiệp trực thuộc Bộ Xây dựng làm cơ sở để sắp xếp lại biên chế hiện có theo kế hoạch đã đề ra.

8. Nghiên cứu, xây dựng các cơ chế, chính sách tạo môi trường thuận lợi, thúc đẩy sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp ngành Xây dựng; thực hiện tái cơ cấu ngành Xây dựng gắn với đẩy mạnh cổ phần hóa, tái cơ cấu các doanh nghiệp nhà nước:

- Tập trung rà soát, tháo gỡ các khó khăn vướng mắc và tổ chức thực hiện có hiệu quả các cơ chế, chính sách ưu đãi cho các doanh nghiệp đặc biệt trong các lĩnh vực đầu tư xây dựng, phát triển nhà ở xã hội.

- Tổ chức thực hiện đề án Tái cơ cấu ngành Xây dựng sau khi được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.

- Tiếp tục thực hiện cổ phần hóa các Tổng công ty thuộc Bộ Xây dựng theo kế hoạch đã được phê duyệt⁴⁸; hoàn thành kế hoạch tái cơ cấu doanh nghiệp nhà nước theo Đề án tái cơ cấu doanh nghiệp giai đoạn 2011-2015⁴⁹.

- Đẩy nhanh tiến độ sắp xếp, kiện toàn bộ máy tổ chức, trong đó tập trung kiện toàn đội ngũ lãnh đạo, đội ngũ cán bộ chủ chốt tại các tổng công ty đạt mục tiêu hoàn thành trong năm 2015.

- Tiếp tục thực hiện tái cấu trúc quản trị doanh nghiệp: rà soát, bổ sung và hoàn thiện hệ thống nội quy, quy chế, quy định quản lý nội bộ; xây dựng chiến lược phát triển, tăng cường nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ vào hoạt động sản xuất kinh doanh, nâng cao năng suất và hiệu quả lao động.

- Chỉ đạo các Tổng công ty thực hiện xây dựng: Điều lệ công ty cổ phần; Quy chế người đại diện phần vốn theo ủy quyền của các tổng công ty thuộc Bộ; Quy chế trả lương, thù lao và các lợi ích hợp pháp khác của người quản lý doanh nghiệp. Triển khai thực hiện kiểm tra đánh giá người đại diện phần vốn nhà nước theo ủy quyền tại các công ty thuộc Bộ.

9. Nâng cao chất lượng, đẩy mạnh phát triển nguồn nhân lực, khoa học và công nghệ

- Tổ chức thực hiện có hiệu quả Quy hoạch phát triển nguồn nhân lực ngành Xây dựng; điều tra khảo sát, xác định rõ nhu cầu nhân lực ở các trình độ đào tạo phù hợp với yêu cầu phát triển của Ngành; đào tạo theo nhu cầu của xã hội; tập trung đổi mới, thống nhất chương trình, giáo trình, nâng cao chất lượng giáo dục đào tạo; chú trọng đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, đáp ứng được yêu cầu cung cấp nguồn nhân lực cho các công trình trọng điểm, có quy mô lớn, công nghệ phức tạp, đòi hỏi cao về kỹ thuật xây dựng; phát triển quy mô và nâng cao chất lượng, tính chuyên nghiệp, chuyên sâu trong đào tạo nghề.

⁴⁸ Trong Quý I/2015, thực hiện IPO 01 Tổng công ty (LICOGI); Quý II/2015 IPO 04 Tổng công ty (FICO, CC1, COMA, LILAMA); Quý IV thực hiện IPO 05 Tổng công ty còn lại (HUD, VNCC, IDICO, Sông Đà, VICEM). Dự kiến đến hết năm 2015, Bộ sẽ hoàn thành cổ phần hóa toàn bộ các Tổng công ty thuộc Bộ Xây dựng.

⁴⁹ Năm 2015 tiếp tục thực hiện thoái vốn, phần đầu hoàn thành 100% kế hoạch thoái vốn đầu tư ra ngoài ngành, lĩnh vực sản xuất kinh doanh chính; tiếp tục rà soát bổ sung những doanh nghiệp mà nhà nước không cần nắm giữ để xây dựng lộ trình thoái vốn.

- Tiếp tục đào tạo, bồi dưỡng cho cán bộ, công chức, viên chức ngành Xây dựng theo Đề án “Đào tạo, bồi dưỡng nâng cao năng lực quản lý xây dựng và phát triển đô thị đối với công chức lãnh đạo, chuyên môn đô thị các cấp giai đoạn 2010-2015” và Đề án “Tăng cường năng lực kiểm định chất lượng công trình xây dựng” đặc biệt chú trọng tới các đối tượng là cán bộ quản lý nhà nước về xây dựng các cấp từ Trung ương tới địa phương (cấp tỉnh, thành phố, huyện, quận, xã, phường);... gắn liền với việc đẩy mạnh các lớp đào tạo bồi dưỡng nâng cao năng lực trong hoạt động xây dựng, các lớp tập huấn, theo tinh thần đổi mới quản lý của ngành Xây dựng; tiếp tục duy trì và mở rộng đào tạo hợp tác quốc tế, liên kết đào tạo,...

- Xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch và các nhiệm vụ chi tiết thực hiện “Chiến lược phát triển khoa học và công nghệ ngành Xây dựng đến năm 2020, tầm nhìn 2030”; gắn kết chặt chẽ các hoạt động khoa học và công nghệ với thực tiễn sản xuất và quản lý của Ngành; hoàn thiện hệ thống các quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật xây dựng theo quy hoạch đã được nghiên cứu và đề xuất; nghiên cứu, từng bước tiếp thu và làm chủ các công nghệ tiên tiến; cải tiến, hiện đại hóa và nâng cao hiệu quả các công nghệ truyền thống nhằm nâng cao năng suất lao động, chất lượng sản phẩm, nâng cao năng lực cạnh tranh của các doanh nghiệp xây dựng; tập trung nghiên cứu, triển khai và làm chủ các công nghệ thi công xây dựng công trình ngầm và công trình phức tạp khác, các công nghệ sản xuất gạch không nung, công nghệ xử lý chất thải rắn; xây dựng các thiết kế điển hình về hạ tầng kỹ thuật phục vụ Chương trình xây dựng nông thôn mới, thiết kế điển hình kết cấu nhà ở vùng bão, lụt, nhà và công trình trong vùng chịu ảnh hưởng của động đất.

Xây dựng và triển khai “Chiến lược phát triển công trình xanh đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050”. Tiếp tục tổ chức thực hiện các nhiệm vụ thuộc Chương trình tiết kiệm năng lượng, Chương trình mục tiêu quốc gia ứng phó với biến đổi khí hậu.

10. Nâng cao hiệu quả hoạt động, tăng cường tính tự chủ đối với các đơn vị sự nghiệp công lập

- Tiếp tục thực hiện các nhiệm vụ nghiên cứu khoa học, các chương trình quốc gia và đổi mới cơ chế quản lý hoạt động khoa học công nghệ. Thực hiện đặt hàng, khoán kinh phí và giao quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm cho tổ chức, cá nhân trong nghiên cứu khoa học.

- Tiếp tục đổi mới cơ chế tài chính đối với lĩnh vực sự nghiệp công lập theo hướng tăng quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm cho các đơn vị gắn với cơ chế đặt hàng và giao nhiệm vụ cụ thể.

- Rà soát, quản lý chặt chẽ các khoản chi, bảo đảm trong phạm vi dự toán đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt và theo đúng chế độ quy định; tổ chức thực hiện nghiêm, có hiệu quả các biện pháp chống thất thoát, lãng phí, tham nhũng. Tăng cường thực hành tiết kiệm, chống lãng phí.

- Tập trung cho việc xây dựng kế hoạch đầu tư công trung hạn 05 năm giai đoạn 2016-2020⁵⁰.

11. Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra chuyên ngành; đẩy mạnh phòng, chống tham nhũng, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí

Tăng cường thanh tra, kiểm tra chuyên ngành tại các địa phương; thanh tra hành chính đối với một số đơn vị trực thuộc Bộ; chú trọng giải quyết khiếu nại, tố cáo; thực hiện nghiêm pháp luật về phòng, chống tham nhũng, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí. Tăng cường các giải pháp phòng ngừa, giám sát, kiểm tra, thanh tra phòng, chống tham nhũng. Xử lý nghiêm, kịp thời các vi phạm.

Tiếp tục kiện toàn lực lượng Thanh tra xây dựng; tổ chức triển khai Kế hoạch thanh tra năm 2015, trong đó tập trung vào một số lĩnh vực: công tác quản lý đầu tư xây dựng; quy hoạch và quản lý quy hoạch; công tác cổ phần hoá; quản lý, sử dụng vốn, tài sản, công tác giải quyết khiếu nại về nhà đất tại một số địa phương theo yêu cầu thực tế;... chú trọng giải quyết khiếu nại, tố cáo, hạn chế tối đa tồn đọng, kéo dài.

12. Đẩy mạnh hợp tác và hội nhập kinh tế quốc tế

Mở rộng và thúc đẩy quan hệ hợp tác song phương, đa phương, tạo điều kiện cho doanh nghiệp mở rộng tìm kiếm cơ hội đầu tư ở nước ngoài. Tiếp tục thu hút, sử dụng có hiệu quả các nguồn vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA), đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) và huy động các nguồn tài chính quốc tế cho các lĩnh vực ưu tiên của Ngành Xây dựng. Tổ chức và đôn đốc việc thực hiện nội dung biên bản của các kỳ họp UBLCP Việt Nam - Cuba; Việt Nam - Angiêri; Việt Nam – Libi; phối hợp tổ chức thành công kỳ họp thứ 11 UBLCP Việt Nam – Angiêri, kỳ họp thứ 33 UBLCP Việt Nam – Cuba.

Trên đây là Báo cáo tình hình thực hiện nhiệm vụ năm 2014 và phương hướng, nhiệm vụ năm 2015 của ngành Xây dựng./.

BỘ XÂY DỰNG

⁵⁰ Các đơn vị sự nghiệp thuộc Bộ cần tập trung rà soát, điều chỉnh hoặc lập mới các quy hoạch xây dựng (quy hoạch tổng mặt bằng) phù hợp với định hướng phát triển, quy mô đào tạo trình cấp có thẩm quyền phê duyệt; xây dựng kế hoạch đầu tư của đơn vị cho giai đoạn 2016-2020.